



Nền tảng cho
SỰ VƯỢT TRỘI
Foundation for Excellence



Người bạn đồng hành tin cậy

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á

Hội sở: 130 Phan Đăng Lưu, P. 3, Q. Phú Nhuận, TP. HCM, Việt Nam
Tel: (848) 3995 1483 • Fax: (848) 3995 1614
Email: 1900545464@dongabank.com.vn
Hotline: 1900545464 • Swift: EACBVNVX
Website: www.dongabank.com.vn

CHẤT LƯỢNG và BỀN VỮNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009



TĂNG CƯỜNG NỘI LỰC, VỮNG CHẮC TƯƠNG LAI

Ngân hàng Đông Á củng cố nền tảng hôm nay cho sự vững chắc ngày mai. Chúng tôi tập trung phát triển những thế mạnh sẵn có về công nghệ hiện đại, nhân lực tinh thông để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực quản lý và mở rộng phạm vi hoạt động. Với sự năng động và lòng nhiệt huyết, Ngân hàng Đông Á tự tin hướng đến tương lai với mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam.

CHẤT LƯỢNG và BỀN VỮNG

Quality & Sustainability

MỤC LỤC

1 NỀN TẢNG CHO SỰ VƯỢT TRỘI

- 07 Tầm nhìn - Sứ mệnh
- 08 Tổng quan về DongA Bank
- 09 Sơ đồ tổ chức
- 10 Nhìn lại một chặng đường
- 12 Hội đồng Quản trị
- 14 Ban Kiểm soát
- 16 Ban Tổng Giám đốc



2 PHÁT HUY SỨC MẠNH NỘI TẠI

- 20 Đội ngũ nhân lực – nguồn lực của mọi nguồn lực
- 22 Công nghệ hiện đại và dẫn đầu
- 24 Mạng lưới phủ rộng trên toàn quốc
- 24 Sản phẩm – dịch vụ tiện ích và vượt trội



3 ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN

- 28 Công ty chứng khoán Đông Á (DongA Securities)
& Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (DongA Capital)
- 30 Công ty Kiều hối Đông Á (DongA Money Transfer)
- 31 Công ty Cổ phần Thẻ Thông Minh Vi Na (V.N.B.C.)



4 ĐỒNG HÀNH CÙNG CỘNG ĐỒNG

- 34 Công tác từ thiện xã hội
- 34 Công tác Đảng, Đoàn thể
- 35 Thành tích và sự công nhận của xã hội



5 NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- 38 Các sự kiện đáng chú ý
- 40 Báo cáo tình hình hoạt động 2009
- 44 Các chỉ số tài chính cơ bản năm 2009
- 44 Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2010



Thông điệp từ Chủ tịch

Nhìn lại năm 2009, DongA Bank đã tiến thêm một bước vững chắc trên con đường phát triển chiến lược của mình với mục tiêu chinh phục vị trí Ngân hàng bán lẻ tốt nhất.



Ông PHẠM VĂN BỰ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa các cổ đông,

Suy thoái kinh tế thế giới năm 2009 đã ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của nền kinh tế nước ta, ngành tài chính ngân hàng cũng không nằm ngoài tác động đó.

Thực hiện chủ trương và giải pháp của Chính phủ về ngăn chặn suy giảm kinh tế, trong năm 2009, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ thận trọng với các giải pháp chủ yếu như triển khai thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất 4%/năm; giảm lãi suất cơ bản, giảm lãi suất tái cấp vốn và chiết khấu, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc; điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, hoán đổi ngoại tệ để đảm bảo an toàn thanh toán hệ thống, điều hành linh hoạt tỷ giá, kết hợp với các biện pháp quản lý ngoại hối, tăng cường thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo nắm bắt, chỉ đạo kịp thời tình hình hoạt động của các ngân hàng thương mại năm 2009.

Với chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ năm 2009, một số khách hàng đã tiến hành thanh toán nợ trước hạn (đang ở mức lãi suất cao), sau đó vay lại để được hưởng chính sách hỗ trợ về lãi suất. Trong khi đó, nguồn vốn huy động với mức lãi suất cao rất khó thương lượng giảm lãi suất với khách hàng, từ đó các ngân hàng bắt đầu cạnh tranh về lãi suất để huy động vốn phục vụ cho nhu cầu cân đối hoạt động của ngân hàng những tháng cuối năm.

Ngân hàng Đông Á trong năm 2009 cũng không nằm ngoài những diễn biến chung đó. Tuy nhiên, trên cơ sở dự báo tình hình thị trường, ngay từ đầu năm, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định mục tiêu **“Chất lượng trên cơ sở bền vững”**, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Tốc độ tăng trưởng tín dụng được kiểm soát, cân đối với nguồn vốn huy động, đồng thời chú trọng chất lượng tín dụng. Các hoạt động dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân cũng tiếp tục được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Bên cạnh việc

điều hành hoạt động kinh doanh theo sát thị trường, công tác đào tạo nguồn nhân lực chủ chốt cũng rất được quan tâm thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tổng thể về nghiệp vụ kinh doanh cũng như về nghiệp vụ quản lý cho cán bộ đương nhiệm và cán bộ quy hoạch.

Từ chủ trương đúng đắn, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị và sự điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc nên năm 2009 Ngân hàng Đông Á đã đạt và vượt các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đặc biệt về ứng dụng công nghệ thông tin luôn tiếp tục dẫn đầu và là Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng mạnh về số lượng khách hàng cá nhân. Năm 2009, Ngân hàng đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra và cũng là **năm thứ 17 liên tiếp Ngân hàng Đông Á kinh doanh có lãi**.

Từ những kết quả đạt được trong năm 2009, Ngân hàng Đông Á đã vinh dự được trao tặng những giải thưởng có giá trị của các tổ chức uy tín như Thương hiệu Việt 2009, Thương hiệu vàng 2009, Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin tiêu biểu... là cơ sở, là động lực thúc đẩy để Ngân hàng tiếp tục thực hiện định hướng phát triển thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam trong tương lai gần.

Năm 2010 và các năm tiếp theo Ngân hàng Đông Á luôn bám theo định hướng phát triển của mình là tiếp tục khẳng định vị thế, tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt dành cho khách hàng cá nhân. Với những thành quả xây dựng và phát triển đạt được trong 17 năm qua, đó chính là nền tảng cho Ngân hàng Đông Á thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra cho năm 2010.

PHẠM VĂN BỰ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thông điệp từ Tổng Giám đốc

Với những nền tảng được đầu tư vững chắc, chúng ta có thể vững tin rằng DongA Bank đang hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết cho việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.

Ông TRẦN PHƯƠNG BÌNH, Tổng Giám đốc

Kính thưa quý cổ đông,

Năm 2009 là một năm đầy thử thách đối với toàn ngành tài chính – ngân hàng trên khắp thế giới. Những ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ toàn cầu kết hợp với những diễn biến đặc thù của nền kinh tế Việt Nam đã đặt ra những thách thức rất lớn ở cả tầm chiến thuật lẫn chiến lược cho ngành Ngân hàng Việt Nam. Trong bối cảnh đó, năm 2009, DongA Bank đã tiếp tục có được những thành tựu rất đáng khích lệ không chỉ trong kết quả hoạt động kinh doanh mà còn trong việc tạo dựng những nền tảng vững chắc cho sự phát triển vững bền của Ngân hàng trong dài hạn.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã và đang diễn ra với sự sụp đổ và suy yếu của những định chế tài chính quốc tế khổng lồ đã giúp cho toàn ngành tài chính - ngân hàng trên toàn thế giới có dịp nhìn lại những vấn đề mang tính gốc rễ của các mô hình phát triển trong quá khứ và rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá. Thực tế đã chỉ ra rằng việc mãi mê chạy theo những chỉ tiêu tăng trưởng và lợi nhuận trong ngắn hạn mà xem nhẹ các yếu tố nền tảng sẽ làm cho các định chế tài chính gặp những “khuyết tật mang tính cấu trúc” không dễ sửa chữa và tạo ra những giới hạn cho sự tồn tại và phát triển lâu dài.

Đảm nhận trách nhiệm Tổng Giám đốc đồng thời cũng là một cổ đông lớn của DongA Bank, bản thân tôi luôn luôn tâm huyết theo đuổi việc phát triển DongA Bank trở thành một định chế tài chính trường tồn và vững mạnh hàng đầu của Việt Nam nhằm tạo ra những giá trị bền vững và lâu dài cho quý cổ đông. Với tâm niệm đó, ngay từ cuối năm 2008, Ban Tổng Giám đốc đã đề xuất với Hội đồng Quản trị và sau đó được Đại hội đồng cổ đông đồng lòng thông qua định hướng “**CHẤT LƯỢNG – BỀN VỮNG**” cho năm 2009 nhằm đảm bảo sự cân đối hài hòa giữa tốc độ tăng trưởng trong ngắn hạn và chất lượng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Năm 2009, DongA Bank của chúng ta tiếp tục gặt hái được những thành công đáng ghi nhận với việc **đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu tăng trưởng đề ra**. Đây là năm thứ 17 liên tiếp DongA Bank vượt chỉ tiêu lợi nhuận của Đại hội cổ

đồng giao cho. DongA Bank đã đạt được một bước tiến chiến lược quan trọng trong việc hiện thực hóa tầm nhìn trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất với việc đã chinh phục sự tin tưởng của hơn 4 triệu khách hàng để dẫn đầu trong nhiều lĩnh vực như: Ngân hàng điện tử, Thẻ ATM, Kiều hối,...

Không dừng lại ở các thành quả ngắn hạn, DongA Bank trong năm 2009 đã có những thành tựu trong việc nâng cao chất lượng của các nguồn lực nền tảng. Chất lượng phục vụ khách hàng được nâng cao một bước với việc đầu tư mở rộng mạng lưới và chuẩn hóa cơ sở vật chất, trụ sở kết hợp với việc nâng cao kỹ năng phục vụ khách hàng của nhân viên. Chất lượng nguồn nhân lực được chú trọng phát triển với các hoạt động huấn luyện dành cho mọi cấp nhân viên và quản lý. Các nhân sự mới với các phương pháp làm việc khác nhau được chủ động đưa vào thử nghiệm trong thực tế nhằm tìm ra các thực hành quản trị tối ưu đồng thời gia tăng khả năng tiếp thu “cái mới” của toàn hệ thống. Các hoạt động quản trị rủi ro và chăm sóc quan hệ khách hàng đã bước đầu giúp cho DongA Bank nâng cao thêm một bước về chất lượng tài sản và khách hàng cho vay.

Với những nền tảng được đầu tư vững chắc, chúng ta có thể vững tin rằng DongA Bank đang hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết cho việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược. Với sự tin cậy và ủng hộ của khách hàng, quý cổ đông, sự hợp tác của các đối tác, các cơ quan quản lý Nhà nước, sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị và sự quyết tâm phấn đấu của toàn thể cán bộ nhân viên, DongA Bank tin tưởng vào việc hoàn thành thắng lợi các mục tiêu của năm 2010 với định hướng “**TIẾN LÊN – BỀN VỮNG**”.

TRẦN PHƯƠNG BÌNH
Tổng Giám đốc



NỀN TẢNG CHO SỰ VƯỢT TRỘI

FOUNDATION FOR EXCELLENCE

Năm 2009 là năm hoạt động thứ 17 của Ngân hàng Đông Á. Những thành tựu đạt được, những kinh nghiệm trong quản lý, những tiềm lực được bồi đắp qua từng giai đoạn cùng với những giá trị cốt lõi được duy trì và vun đắp chính là bệ phóng hướng đến vị trí dẫn đầu bền vững trong tương lai. Đó là “Nền tảng cho sự vượt trội”.





DONGA[®]
Bank

Người bạn đồng hành tin cậy





Tầm nhìn

Trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất và hướng đến mô hình một tập đoàn tài chính đa năng, hiệu quả hàng đầu Việt Nam.

Sứ mệnh

Chinh phục niềm tin khách hàng, đối tác và cổ đông bằng việc tiên phong cung cấp các giải pháp và dịch vụ tài chính – ngân hàng hiện đại, thân thiện, đáng tin cậy cho mọi người dân Việt Nam.

Tổng quan về DongA Bank

NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Người bạn đồng hành tin cậy

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (DongA Bank) chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 1992 với vốn điều lệ 20 tỷ đồng (trong đó có 80% vốn của các pháp nhân) và 03 phòng nghiệp vụ chính là tín dụng, ngân quỹ và kinh doanh.

Trải qua hơn 17 năm hoạt động, tính đến 31/12/2009, vốn điều lệ của DongA Bank đã tăng 16.900% lên đến 3.400 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 42.520 tỷ đồng; từ 3 phòng ban nghiệp vụ lên 37 phòng ban thuộc hội sở và các trung tâm cùng với 4 công ty thành viên và 173 chi nhánh, phòng giao dịch, trung tâm giao dịch 24h trên toàn quốc. Về nhân sự, từ con số khiêm tốn 56 người vào những ngày đầu thành lập đến một đội ngũ gồm 3.691 người hiện nay, DongA Bank tự tin đang tập hợp được một lực lượng nhân sự trẻ, giỏi và đầy tâm huyết. Hướng đến mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam, DongA Bank đã không ngừng nỗ lực ứng dụng công nghệ hiện đại để mang đến cho hơn 4 triệu khách hàng những sản phẩm - dịch vụ ngân hàng khác biệt và thiết thực cho cuộc sống.



Các kênh giao dịch của Ngân hàng Đông Á

- Ngân hàng Đông Á truyền thống (hệ thống 173 điểm giao dịch trên 44 tỉnh, thành)
- Ngân hàng Đông Á Tự Động (hệ thống hơn 1.200 máy ATM)
- Ngân hàng Đông Á Điện tử (DongA E-Banking với 3 phương thức SMS, Mobile và Internet Banking)

Các cổ đông pháp nhân lớn:

- Văn phòng Thành ủy TP. HCM và các đơn vị thuộc Thành ủy: 16,9% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ): 7,7% vốn điều lệ

Công ty thành viên (đến 31/12/2009)

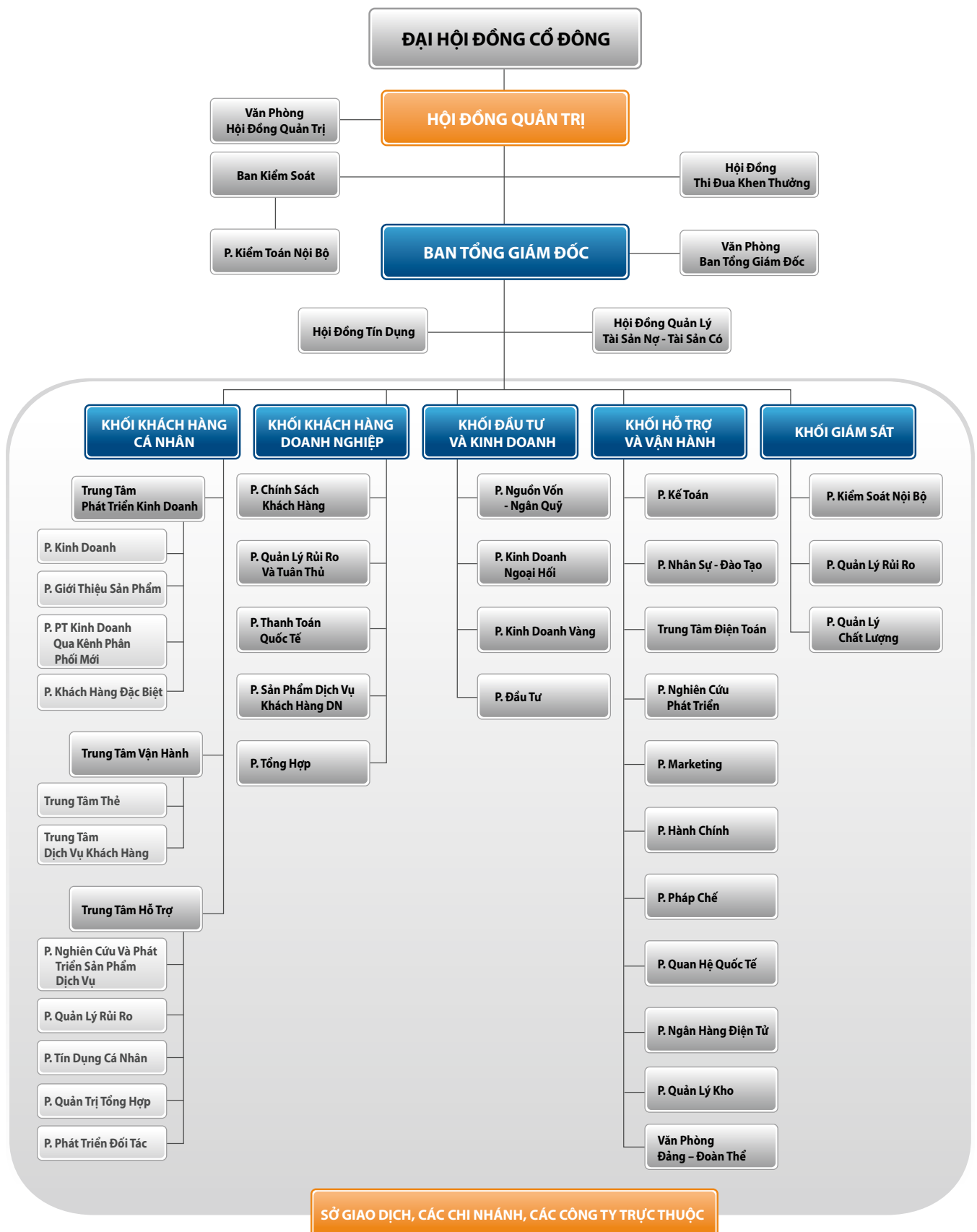
- Công ty Kiều hối Đông Á (DongA Money Transfer)
- Công ty Chứng khoán Đông Á (DongA Securities)
- Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á (DongA Capital)
- Công ty Thẻ thông minh Vi Na (V.N.B.C.)

Hệ thống Quản lý chất lượng

Hoạt động của quy trình nghiệp vụ chính được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000

Thông tin cổ đông

DongA Bank có 100% là cổ đông trong nước	%/VĐL
Tổng số vốn cổ phần của cổ đông là pháp nhân	43,49%
Tổng số vốn cổ phần của cổ đông thể nhân	56,51%
Tổng	100%



Nhìn lại một chặng đường

Nhìn lại những cột mốc đáng nhớ từ những ngày đầu tiên để trân quý hơn những thành quả đạt được và tự hào hơn về một tầm vóc DongA Bank hôm nay.

Mỗi chặng đường đã đi qua, mỗi thành quả gặt hái được đều mang ý nghĩa quan trọng đối với quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng trong hơn 17 năm. Tất cả đều là những nấc thang đáng trân trọng được tạo dựng bởi chung một lòng nhiệt huyết và đam mê của cả một tập thể vì một Ngân hàng Đông Á vững chắc và trường tồn.



1992

- 1/7/1992: Ngân hàng Đông Á chính thức hoạt động tại trụ sở đầu tiên 60-62 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận Phú Nhuận, TP. HCM (nay là đường Nguyễn Văn Trỗi)
- Vốn điều lệ: 20 tỷ đồng
- Tổng số cán bộ, nhân viên: 56 người
- Là ngân hàng đầu tiên thực hiện tín dụng trả góp chợ (đối tượng là tiểu thương và các hộ mua bán tại các chợ)

1993

- Thành lập 3 chi nhánh: Quận 1, Hậu Giang (TP. HCM) và Hà Nội
- Chính thức triển khai dịch vụ thanh toán quốc tế, chuyển tiền nhanh và chi lương hộ

1994

- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng
- Thành lập Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi Đoàn thanh niên

1995

- Vốn điều lệ: 49,6 tỷ đồng
- Là đối tác duy nhất nhận vốn ủy thác từ Tổ chức Hợp tác quốc tế của Thụy Điển (SIDA), tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam

1998

- Là một trong hai Ngân hàng cổ phần tại Việt Nam nhận vốn tài trợ từ Quỹ Phát triển nông thôn (RDF) của Ngân hàng thế giới

2000

- Vốn điều lệ: 97,4 tỷ đồng
- Tháng 9: trở thành thành viên chính thức của Mạng thanh toán toàn cầu (SWIFT)

2001

- Vốn điều lệ: 120 tỷ đồng
- Thành lập Công ty Kiểu hối Đông Á
- Xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào hoạt động ngân hàng



2002

- Vốn điều lệ: 200 tỷ đồng
- Tổng số cán bộ, nhân viên: 537 người
- Nhận chuyển giao đội bóng Công an TP. HCM, lập Công ty cổ phần Thể thao Đông Á (Câu lạc bộ Bóng đá Ngân hàng Đông Á)
- Thành lập Trung tâm thẻ Ngân hàng Đông Á, phát hành thẻ Đông Á
- Là một trong hai Ngân hàng cổ phần nhận vốn ủy thác từ Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) để tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ

2004

- Vốn điều lệ: 350 tỷ đồng
- Tháng 3: Chính thức triển khai hệ thống ATM
- Triển khai dịch vụ thanh toán tiền điện tử động qua ATM
- Tổng số cán bộ, nhân viên: 824 người

2005

- Vốn điều lệ: 500 tỷ đồng
- Thành lập hệ thống Vietnam Bankcard (VNBC) kết nối hệ thống thẻ giữa các ngân hàng
- Lần đầu tiên tổ chức chương trình “Việc làm hè cho sinh viên” theo mô hình hiện đại của nước ngoài
- Kết nối thành công với Tập đoàn China Union Pay (Trung Quốc)
- Ký kết hợp đồng nguyên tắc liên kết kinh doanh tại Việt Nam và Đài Loan giữa Ngân hàng Đông Á – Công ty cổ phần Mai Linh – Tập đoàn Jampoo (Đài Loan)
- Tổng số cán bộ, nhân viên: 1.053 người (kể cả các công ty trực thuộc)

2006

- Khánh thành tòa nhà hội sở
- Đạt con số 1 triệu khách hàng sử dụng thẻ đa năng chỉ sau 3 năm phát hành thẻ, là Ngân hàng thương mại cổ phần dẫn đầu về tốc độ phát triển dịch vụ thẻ ATM tại Việt Nam

- Triển khai thêm 2 kênh giao dịch: Ngân hàng Đông Á Tự Động và Ngân hàng Đông Á Điện Tử
- Mạng lưới hoạt động: 69 chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc
- Triển khai thành công dự án chuyển đổi sang core - banking, giao dịch online toàn hệ thống
- Trở thành thành viên của tổ chức thẻ VISA
- Công ty Kiều hối Đông Á giữ vững vị trí dẫn đầu 7 năm liền

2007

- 7/7/2007: Nhân kỷ niệm 15 năm thành lập, chính thức thay đổi logo cùng hệ thống nhận diện thương hiệu mới
- Khánh thành và đưa vào sử dụng nhiều trụ sở hiện đại theo mô hình chuẩn của tòa nhà hội sở
- Mạng lưới hoạt động: 107 chi nhánh, phòng giao dịch trên 40 tỉnh, thành
- ATM TK21 của Ngân hàng Đông Á được chứng nhận “Kỷ lục Việt Nam” với chức năng nhận - gửi tiền trực tiếp và thu đổi ngoại tệ
- Doanh số thanh toán quốc tế vượt 2 tỷ đô-la Mỹ
- Đạt con số 2 triệu khách hàng
- Top 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) bình chọn

2008

- Ngân hàng Đông Á đã có mặt tại 50 tỉnh, thành trên cả nước với 148 điểm giao dịch và hơn 800 máy ATM
- Ngày 8/8/2008, chính thức phát hành thẻ tín dụng, đánh dấu việc kết nối hệ thống thẻ Đông Á với hệ thống thẻ thế giới thông qua Visa
- Số lượng khách hàng đạt 2,5 triệu
- Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sở hữu máy ATM nhận tiền mặt trực tiếp hiện đại nhất với tính năng nhận 100 tờ với nhiều mệnh giá khác nhau trong một lần gửi

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1 Ông Phạm Văn Bự
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 2 Bà Vũ Thị Vang
Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị
- 3 Ông Đặng Phước Dừa
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 4 Ông Trần Phương Bình
Ủy viên Hội đồng Quản trị
- 5 Ông Nguyễn Đình Trường
Ủy viên Hội đồng Quản trị
- 6 Bà Nguyễn Thị Ngọc
Ủy viên Hội đồng Quản trị
- 7 Ông Trang Thành Sương
Ủy viên Hội đồng Quản trị



BAN KIỂM SOÁT



- 1 Bà Nguyễn Thị Cúc
(Phó Tổng Giám đốc thường trực
Công ty Vàng bạc - Đá quý Phú Nhuận)
Trưởng Ban Kiểm soát
- 2 Ông Nguyễn Vinh Sơn
Thành viên
- 3 Bà Phan Tố Loan
Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 Ông Trần Phương Bình
Tổng Giám đốc
- 2 Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân
Phó Tổng Giám đốc thường trực
- 3 Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên
Phó Tổng Giám đốc
- 4 Ông Nguyễn Hữu Chính
Phó Tổng Giám đốc
- 5 Ông Nguyễn An
Phó Tổng Giám đốc
- 6 Ông Lê Trí Thông
Phó Tổng Giám đốc
- 7 Ông Trần Đạo Vũ
Phó Tổng Giám đốc
- 8 Ông Phùng Duy Khương
Phó Tổng Giám đốc





PHÁT HUY SỨC MẠNH NỘI TẠI

LEVERAGING CORE COMPETENCIES

Nguồn nhân lực tinh thông và tâm huyết, công nghệ ngân hàng hiện đại và đi đầu, mạng lưới giao dịch phủ rộng toàn quốc cùng những sản phẩm – dịch vụ tài chính tiện ích, đó chính là những yếu tố cốt lõi tạo nên sức mạnh nội tại của Ngân hàng Đông Á. Những giá trị đó được tạo dựng và khẳng định qua thời gian, là nền tảng tạo nên sự khác biệt và năng lực cạnh tranh cho DongA Bank trong cuộc chạy đua chinh phục trái tim hàng triệu khách hàng Việt Nam.



Đội ngũ nhân lực nguồn lực của mọi nguồn lực

Đầu tư cho nguồn nhân lực chính là chiến lược đầu tư đúng đắn, sáng suốt và khả năng sinh lời cao nhất mà DongA Bank tự hào đang đi đúng hướng.

Giá trị của một chính sách nhân sự tốt chính là sự gắn bó dài lâu và sự cống hiến hết mình của đội ngũ nhân viên.

Xác định rõ điều này, ngay từ những ngày đầu thành lập, Ngân hàng Đông Á đã xây dựng một chính sách đãi ngộ nhân sự thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, bố trí và điều chuyển nhân sự hợp lý, phát huy khả năng của từng thành viên. Chế độ lương và sự tưởng thưởng xứng đáng với khả năng cùng với việc ghi nhận sức đóng góp và bổ nhiệm nhân sự kịp thời đã tạo động lực cho mọi sự phát triển và phấn đấu. Cùng với một môi trường làm việc năng động, Ngân hàng Đông Á dần trở thành ngôi nhà thứ hai cho từng thành viên trong đại gia đình DongA Bank.

Riêng trong năm 2009 – năm của sự ảnh hưởng suy thoái kinh tế và những khó khăn được dự báo từ đầu năm, Ngân hàng Đông Á đã chọn hướng đi “Chất lượng và Bền vững” với mục tiêu trọng tâm là đầu tư cho nguồn nhân lực. Điều này được thể hiện khá rõ nét bằng hàng loạt các chương trình đào tạo được tổ chức xuyên suốt trong năm dành cho mọi đối tượng. Đã có tổng cộng hơn 160 lãnh đạo Chi nhánh, Phòng giao dịch được đào tạo tập trung trong các khóa học dành cho cán bộ đương nhiệm và cán bộ quản lý tương lai, các chương trình đào tạo nghiệp vụ dành cho kế toán trưởng, trưởng phòng khách hàng cá nhân, nhân viên hành chính nhân sự, các khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng dành cho giao dịch viên... Ngoài ra, để cập nhật kiến thức mới nhất cho nguồn nhân lực, Ngân hàng Đông Á còn thực hiện đào tạo bên ngoài, thông qua việc cử nhân sự tham gia các khóa học trong và ngoài nước dành cho cả lãnh đạo cấp cao, cấp trung và nhân viên. Các chương trình huấn luyện dày đặc và chất

lượng trong năm 2009 đã góp phần đáng kể trong việc nâng tầm quản lý của đội ngũ lãnh đạo, nâng chất hoạt động của tập thể nhân viên, từ đó nâng cao khả năng phục vụ và đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng trong năm qua.

Trong khó khăn chung của nền kinh tế và của từng doanh nghiệp, năm qua DongA Bank vẫn thực hiện tốt chế độ lương thưởng với một lần tăng lương định kỳ toàn Ngân hàng cùng với các đợt tăng đột xuất dành cho các nhân viên có nhiều đóng góp xứng đáng, chế độ nghỉ mát, bảo hiểm và thưởng Lễ, Tết luôn đầy đủ và kịp thời. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm là hơn 74 triệu đồng/người/năm, tăng 9% so với năm 2008.

Một điểm đáng ghi nhận trong công tác nhân sự năm 2009 là đã cho ra đời chương trình “Thi trực tuyến” và chương trình “Quản trị nhân sự trực tuyến iHRP”, từng bước công nghệ hóa công tác quản lý, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng và quản trị nhân sự.

Kết thúc năm 2009, số lượng nhân sự của DongA Bank tiếp tục phát triển đạt đến con số 3.691 người, trong đó 77,10 % có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học và trên đại học. Tuy nhiên, con số ấn tượng nhất thể hiện tình hình nhân sự của Ngân hàng chính là 72% đội ngũ dưới 30 tuổi (tương đương 2.658 nhân sự), tạo nên một lực lượng lao động trẻ, năng động, sáng tạo và một môi trường làm việc nhiều thử thách lẫn cơ hội cho từng cá nhân.

Nhân sự của Ngân hàng Đông Á từ năm 2004 – 31/12/2009

Năm	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Số lượng	618	885	1.373	2.228	3.138	3.691
Tỷ lệ tăng/giảm so với năm trước	39,82%	43,20%	55,14%	62,27%	40,84%	17,62%



Giá trị của việc sở hữu một đội ngũ nhân sự chất lượng cao và tâm huyết chính là thành công nhìn thấy được từng ngày trong hoạt động của Ngân hàng.

Điều này càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong năm 2009 khi nền kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tại Ngân hàng Đông Á, số nhân sự vẫn ổn định, cho thấy sự gắn bó lâu dài của đội ngũ nhân viên, qua đó thể hiện chế độ đãi ngộ tốt của Ngân hàng Đông Á. Làm việc hết mình, tinh thần đoàn kết nội bộ

cao độ, phấn đấu học hỏi và cống hiến luôn là tinh thần và không khí chung trong toàn Ngân hàng. Và đầu tư cho nguồn nhân lực chính là chiến lược đầu tư đúng đắn, sáng suốt và khả năng sinh lời cao nhất mà DongA Bank tự hào đang đi đúng hướng.



Công nghệ hiện đại và dẫn đầu



Thế mạnh công nghệ của DongA Bank chính là việc sở hữu một hệ thống hạ tầng ứng dụng tốt, một đội ngũ kỹ thuật chuyên môn cao để đảm bảo hoạt động của hệ thống công nghệ và nhanh chóng cho ra đời các sản phẩm dịch vụ tiện ích có hàm lượng công nghệ cao, từ đó nâng cao khả năng phục vụ khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh và khác biệt cho DongA Bank.

Ngay từ những ngày đầu thành lập và phát triển, DongA Bank đã sớm định hướng rõ rệt trong việc đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động ngân hàng, nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt nhất trên nền tảng của sự an toàn và bảo mật tối đa, vì DongA Bank hiểu rằng ngân hàng là một lĩnh vực đặc biệt cần phải áp dụng Công nghệ thông tin tiên tiến để khách hàng trao gửi niềm tin tài chính của mình.

Được xem là ngân hàng đi tiên phong trong lĩnh vực công nghệ, trong suốt thời gian qua, thế mạnh công nghệ thông tin DongA Bank chính là khả năng kết nối ổn định trong mạng lưới nhằm đảm bảo thực hiện các giao dịch trên hệ thống thông qua Chương trình Core banking (Chương trình Lõi) và đảm bảo tối đa các giao dịch online trên máy ATM được kết nối trực tiếp với hệ thống máy chủ của DongA Bank. Đồng thời dựa trên nền tảng tiến bộ công nghệ hiện đại, năm 2009 Smartlink và VNBC đã hoàn thành việc kết nối hệ thống ATM cho 3 ngân hàng đầu tiên là DongA Bank, Vietcombank và Techcombank. Nhờ đó các khách hàng của 3 ngân hàng có thể giao dịch trên các máy ATM của 3 hệ thống. Đây cũng là nền tảng để phát triển các dịch vụ thanh toán trên kênh giao dịch điện tử như POS, internet và mobile cho các ngân hàng, cũng như những tiện ích giá trị gia tăng khác trên máy ATM.

Đặc biệt, dựa trên thế mạnh cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin của DongA Bank hiện có để làm cơ sở phát triển Ngân Hàng Đông Á Điện tử với: SMS Banking, Mobile Banking, Internet Banking, Phone Banking với hình thức xác nhận mã xác thực thông qua tin nhắn điện thoại di động (One time password). Ngoài ra, Ngân hàng Đông Á Điện tử cũng đang hoàn thiện hơn nữa về hệ thống bảo mật tối ưu nhất cho khách hàng khi sử dụng Ngân hàng Điện Tử: Thẻ xác thực – Token card (theo hình thức sử dụng ma trận số). Có thể nói rằng, năm 2009 là năm thành công rực rỡ của Ngân hàng Đông Á Điện tử trong việc ký kết với hàng loạt đối tác triển khai các dịch vụ thanh toán trực tuyến; đưa ra hàng loạt dịch vụ mới trên các kênh SMS Banking/Mobile Banking/Internet Banking đồng thời là Ngân hàng đầu tiên triển khai các dịch vụ ưu việt như: Ứng dụng DongA Mobile Internet Banking hỗ trợ Internet Banking bằng điện thoại di động; ứng dụng DongA Mobile Internet dành cho điện thoại Iphone/ có chức năng kết nối GPRS/Wifi... Chính nhờ những

nỗ lực đó mà năm 2009 Ngân hàng Đông Á Điện Tử đã đạt được những con số ấn tượng: số lượng khách hàng tăng 173%, số giao dịch tăng 105% so với năm 2008 và đạt được nhiều giải thưởng có giá trị như giải thưởng Website thương mại điện tử mô hình B2C các ngành khác được ưa thích nhất và giải thưởng Ví điện tử, cổng thanh toán được ưa thích nhất dành cho website <http://ebanking.dongabank.com.vn> trong chương trình bình chọn “Website và Dịch vụ thương mại điện tử được người tiêu dùng ưa thích nhất” năm 2009 do Sở Công Thương TP. HCM và Văn phòng Phía Nam Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam phối hợp tổ chức.

Ngoài kênh Ngân hàng Đông Á Điện tử, trong năm 2009, DongA Bank cũng đã triển khai cluster trên nền công nghệ Oracle cho toàn bộ các hệ thống ứng dụng nhằm đảm bảo vận hành xuyên suốt. Đặc biệt, cùng với việc đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, hoàn thiện quy trình quản lý công nghệ thông tin bằng cách áp dụng giải pháp quản lý dịch vụ thì DongA Bank cũng đã tập trung xây dựng và phát triển ứng dụng theo quy trình tự động hóa nhằm đem lại cho khách hàng những dịch vụ tiện ích hơn nữa trong thời gian sớm nhất. Với những thành tích và sự nỗ lực không ngừng, năm 2009 cũng là năm DongA Bank đạt được nhiều giải thưởng uy tín về công nghệ. Đây thật sự là một thành quả xứng đáng và là nguồn động viên khích lệ để DongA Bank tiếp tục phấn đấu phát triển mạnh về công nghệ hơn nữa và khẳng định vị thế tiên phong trên thị trường Việt Nam.



Mạng lưới phủ rộng trên toàn quốc

Trong năm qua, Ngân hàng Đông Á đã phát triển thêm 26 chi nhánh, phòng giao dịch, nâng tổng số đơn vị giao dịch toàn hệ thống là 173, trong đó có 21 đơn vị giao dịch được xây dựng theo mô hình của tòa nhà Hội sở, góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu DongA Bank uy tín và hiện đại trong lòng khách hàng. Đặc biệt hơn, mạng lưới của DongA Bank cũng đã có mặt ở tận vùng sâu, vùng xa – nơi mà trước đây chỉ có ngân hàng quốc doanh xuất hiện. Trong đó, tại các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng... DongA Bank đã có trụ sở rất khang trang và hiện đại. Bên cạnh đó, DongA Bank đã mở rộng độ bao phủ của mạng lưới ATM/POS với hơn 1.200 máy ATM và 1.500 điểm chấp nhận thẻ ATM (POS) trên toàn quốc.

Đáng chú ý là hệ thống giao dịch 24h của DongA Bank. Tuy ra đời chưa được bao lâu, nhưng có thể nói đây là mô hình giao dịch thành công với phương thức nhanh chóng, gọn lẹ và dễ tạo cảm giác thân thiện giữa khách hàng và nhân viên. Khi đến giao dịch tại các trung tâm 24h của DongA Bank được đặt ở các trạm xăng hay điểm giao dịch 3 trong 1 với quầy sách báo, giao dịch ngân hàng và buồng vệ sinh công cộng, khách hàng còn tiết kiệm được thời gian do các thủ tục đều được giải quyết “một cửa”.

Việc mở rộng hệ thống của DongA Bank chính là thể hiện cụ thể nhất mong muốn đưa sản phẩm – dịch vụ đến gần hơn với mọi người dân, phục vụ và đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách tốt nhất và nhanh nhất. Chính sự phát triển nhanh chóng mạng lưới hoạt động và trải rộng khắp cả nước đã giúp DongA Bank bứt phá mạnh mẽ trong năm 2009 vừa qua.

Sản phẩm – dịch vụ tiện ích và vượt trội

Với tôn chỉ hoạt động “Người bạn đồng hành tin cậy” của mọi người dân Việt Nam, trong năm qua, DongA Bank tiếp tục cho ra đời nhiều sản phẩm và dịch vụ tiện ích, đáp ứng được những nhu cầu tài chính rất thiết thực của khách hàng trong bối cảnh kinh tế nhiều khó khăn năm 2009.

1. Đa dạng hóa các kênh giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân trong quá trình tiếp cận và sử dụng sản phẩm/dịch vụ ngân hàng

Bên cạnh kênh giao dịch truyền thống là hệ thống các chi nhánh và phòng giao dịch, DongA Bank đang phát triển mạnh các kênh giao dịch khác như:

- Mở rộng, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống ATM/POS
- Phát triển kênh Ngân hàng Đông Á Điện Tử với SMS/Internet/Mobile Banking đầy đủ các tiện ích
- Áp dụng mô hình điểm giao dịch mới “3 tiện ích trong 1” (ngân hàng, sạp báo và nhà vệ sinh)

2. Không ngừng đổi mới công nghệ, hiện đại hóa dịch vụ ngân hàng để đảm bảo tính ổn định của hệ thống ngân hàng và hệ thống ATM/POS, cung cấp các sản phẩm - dịch vụ thân thiện, cần thiết cho người dân

- Dịch vụ nạp tiền trực tiếp vào tài khoản bằng phong bì hoặc trực tiếp trên ATM
- Máy ATM có hướng dẫn giao dịch bằng tiếng nói nhằm hỗ trợ người mù chữ, khiếm thị...
- Máy ATM phục vụ cho cả đối tượng khách hàng không sử dụng thẻ ATM với các giao dịch: mua thẻ cào, thẻ điện thoại di động, thu đổi ngoại tệ
- Cung cấp giải pháp nhằm đảm bảo an toàn cho tài khoản như dịch vụ SMS Banking cho thẻ tín dụng (nhắn tin thông báo khi tài khoản thay đổi)

3. Chi lương điện tử

Hưởng ứng chủ trương của Chính phủ về việc khuyến khích các đơn vị hành chính sự nghiệp chi lương qua tài khoản thẻ, DongA Bank đã cho ra đời sản phẩm chi lương điện tử. Theo đó, việc chi lương sẽ được thực hiện hoàn toàn chủ động từ phía đơn vị chi lương nhằm đảm bảo tính bảo mật - chủ động - nhanh chóng và tiện lợi cho các đơn vị. Đến nay đã có 1.000 doanh nghiệp sử dụng dịch vụ này với trên 83.000 lượt chi lương mỗi tháng, trong đó có Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị doanh nghiệp thuộc quân đội, bưu điện, các cơ quan hành chính sự nghiệp và hàng ngàn các công ty lớn nhỏ khác.

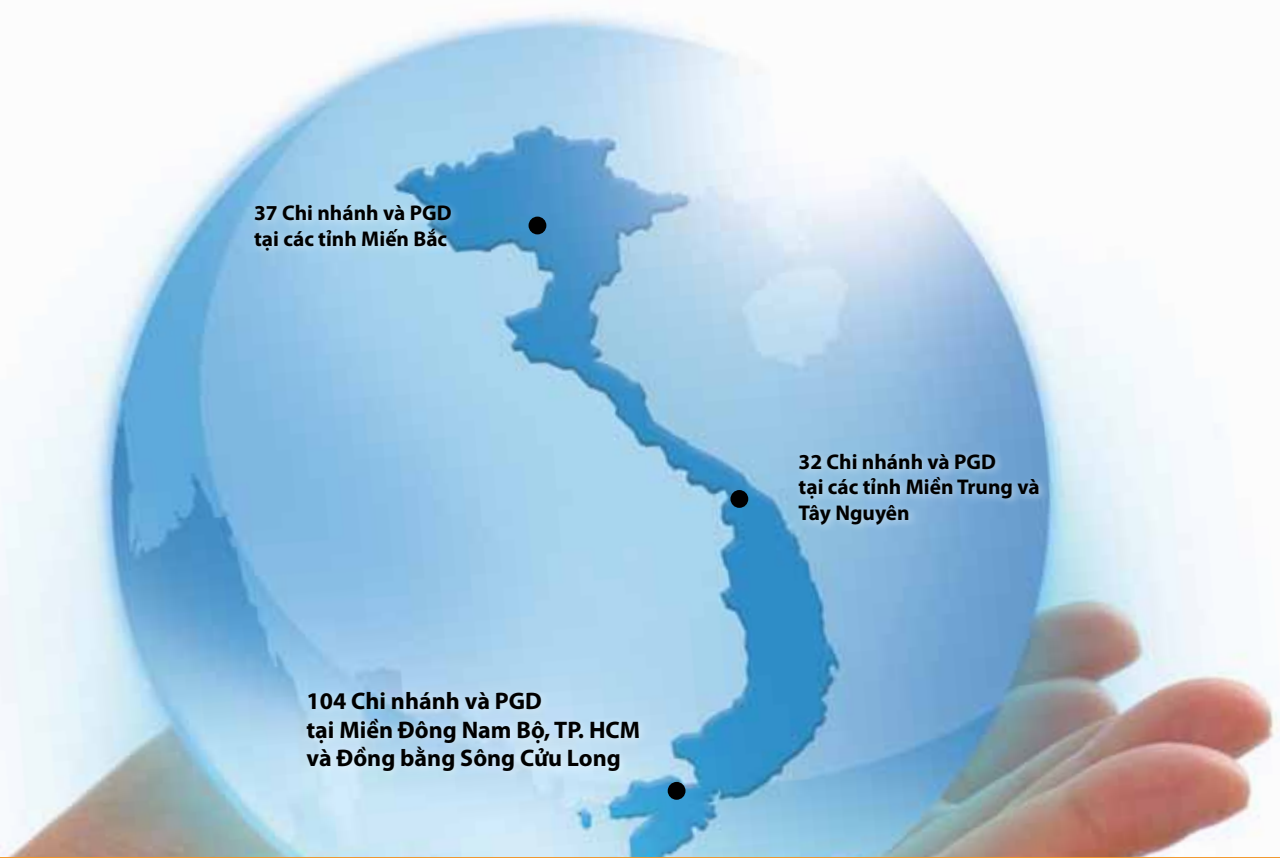
4. Vay 24 phút

Ra đời vào tháng 2/2009, Vay 24 phút – thấu chi qua tài khoản thẻ của DongA Bank là sản phẩm vay dành cho tất cả mọi người, không cần thế chấp với thời gian giải ngân không quá 24 phút kể từ khi hoàn tất thủ tục vay. Vay 24 phút ra đời đã đáp ứng được những nhu cầu tín dụng nhỏ và tức thời của nhiều đối tượng, đặc biệt là sinh viên và tiểu thương, góp phần khẳng định sự thấu hiểu và chia sẻ của DongA Bank đối với các nhu cầu tài chính – dù là nhỏ nhất – của mọi người dân Việt Nam.

5. Đẩy mạnh dịch vụ thanh toán hóa đơn tiện ích (điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình cáp...) rộng khắp trên cả nước

Dịch vụ thanh toán hóa đơn tiện ích được thực hiện qua các kênh như:

- Thanh toán qua kênh giao dịch truyền thống (chi nhánh/phòng giao dịch)
- Thanh toán tự động
- Thanh toán qua E-Banking: Internet/SMS/Mobile Banking
- Thanh toán tại quầy (hệ thống giữa DongA Bank và đối tác cung ứng dịch vụ kết nối online với nhau)



Đặc biệt, với kết nối online giữa hệ thống của DongA Bank và các đối tác cung ứng dịch vụ, ngay khi khách hàng thực hiện việc thanh toán hóa đơn dịch vụ qua các kênh mà DongA Bank triển khai thì hệ thống dữ liệu của các đơn vị cung ứng dịch vụ sẽ xóa nợ ngay lập tức cho khách hàng. Dịch vụ này giúp người dân thành thị năng động tiết kiệm được tối đa thời gian, chi phí trong cuộc sống bận rộn hiện nay.

6. Triển khai dịch vụ ATM lưu động

Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng ATM ngày càng tăng của hàng triệu khách hàng, DongA Bank đã đầu tư và cho ra đời hệ thống ATM lưu động. Chính thức có mặt trên thị trường vào đầu năm 2009, ATM lưu động của DongA Bank đã giải quyết tích cực nhu cầu rút tiền của đông đảo công nhân tại các khu công nghiệp, khu dân cư, phục vụ tốt nhu cầu giao dịch của người dân trong những dịp lễ, tết... Chính vì những tiện ích đó mà ATM lưu động của DongA Bank đã nhận được rất nhiều sự hưởng ứng, ủng hộ từ khách hàng và xã hội. Dịch vụ này cũng đã được ghi nhận kỷ lục Guinness của Trung tâm sách và kỷ lục Việt Nam dành cho "Ngân hàng có hệ thống ATM lưu động đầu tiên" vào tháng 2/2009.

7. Chủ trương không thu phí giao dịch ATM

Nhằm tiếp tục khuyến khích người dân sử dụng thẻ và ATM, hưởng ứng tích cực chủ trương hạn chế sử dụng tiền mặt của Chính phủ, Ngân hàng Đông Á đã nhất quán không thu phí các giao dịch cơ bản như rút tiền, tra cứu số dư khi thực hiện các giao dịch trên ATM. Chủ trương này của DongA Bank trong năm qua đã thể hiện rõ tinh thần sẻ chia với đại bộ phận người dân Việt Nam trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn và bất ổn.

8. Kết nối 2 hệ thống liên minh thẻ VNBC và Smartlink

Hệ thống VNBC và Smartlink được chính thức kết nối vào cuối năm 2009. Sự kết nối giữa hai hệ thống là hành động thiết thực cho thị trường, không chỉ giúp cho cộng đồng ngân hàng có thể phục vụ khách hàng tốt hơn mà còn giúp cho các ngân hàng có thể chia sẻ công nghệ, gia tăng tính liên thông và tương thích, đồng thời tối ưu hóa chi phí đầu tư vào thiết bị và công nghệ. Sự kiện này cũng là một hoạt động góp phần đáng kể vào việc hiện thực hóa định hướng lớn của Nhà nước trong việc giảm dần sử dụng tiền mặt trong lưu thông và tạo tiền đề để phát triển những phương thức giao dịch điện tử cho nền kinh tế.

9. Tặng Thẻ Đa năng cho khách hàng tiết kiệm

Nhằm giúp khách hàng chủ động và tiết kiệm thời gian khi nhận lãi tiết kiệm hàng tháng, DongA Bank đã triển khai chương trình "Tặng thẻ cho khách hàng tiết kiệm". Tất cả các khách hàng gửi tiết kiệm tại DongA Bank đều được tặng Thẻ Đa năng và Ngân hàng sẽ chủ động chuyển lãi vào tài khoản thẻ. Chương trình đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo khách hàng tiết kiệm.

10. Phủ sóng 1KM

Chương trình "Phủ sóng 1KM" được triển khai trên phạm vi toàn quốc nhằm đem các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đến tận tay người dân, đặc biệt là những người dân sinh sống trong phạm vi 1 km xung quanh chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng. Đây là lần đầu tại Việt Nam, sản phẩm ngân hàng được các nhân viên mang đến từng hộ gia đình, trong từng con hẻm nhỏ, tận tình tư vấn và giải đáp các thắc mắc tài chính cho người dân. Chương trình đã để lại những ấn tượng và tình cảm tốt đẹp của hàng vạn khách hàng đối với một thương hiệu DongA Bank năng động, hiện đại và thân thiện.



ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN

MAKING OF A CONGLOMERATE

Qua quá trình không ngừng phấn đấu trong hơn 17 năm, Ngân hàng Đông Á đã sẵn sàng cho bước phát triển mới với định hướng tổ chức theo mô hình tập đoàn bao gồm các công ty thành viên là Công ty Chứng khoán Đông Á, Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á, Công ty Kiều hối Đông Á và Công ty Thẻ thông minh Vi Na (V.N.B.C.). Với Ngân hàng Đông Á giữ vị trí cốt lõi, các công ty thành viên đã và đang phát huy sức mạnh tổng hợp và cộng hưởng, tạo nền tảng vững chắc cho mô hình Tập đoàn Đông Á được hình thành trong một tương lai không xa.



Các công ty thành viên



Công ty chứng khoán Đông Á (DongA Securities) & Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (DongA Capital)

Vượt qua các khó khăn năm 2008, ngay từ đầu năm 2009 Công ty Chứng khoán Đông Á (DAS) và Công ty Quản lý quỹ đầu tư Đông Á (DAC) đã tập trung nâng cao vị thế cạnh tranh, đẩy mạnh đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự và kiểm soát rủi ro,... nhằm tạo cơ sở bền vững cho việc xây dựng DAS/DAC thành một trong những công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ hàng đầu trong lĩnh vực môi giới, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và quản lý tài sản cho khách hàng. Do hoạt động theo mô hình nhóm công ty, cùng áp dụng nguyên tắc quản lý kinh doanh thống nhất, dựa trên các quy trình nội bộ chung, nên DAS và DAC có khả năng cung cấp các dịch vụ chứng khoán – quản lý quỹ trọn gói cho khách hàng.

Riêng trong lĩnh vực đầu tư, phát triển công nghệ, DAS đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng DataCenter, có chức năng đảm bảo hệ thống luôn vận hành chính xác, nhanh chóng 24/24 giờ. Ngoài ra, trong năm 2009, hệ thống “Core Securities” cũng được triển khai, cung cấp cho nhà đầu tư các tiện ích vượt trội như giao dịch online, ứng trước online, chuyển khoản online. Nhà đầu tư có thể tra cứu chính xác và tức thì tất cả các thông tin về giao dịch chứng khoán, báo cáo lãi lỗ, dòng tiền của danh mục đầu tư của mình. Hiện tại, DAS được coi là một trong những công ty chứng khoán có tốc độ truyền lệnh vào hệ thống giao dịch chứng khoán tại sàn giao dịch chứng khoán nhanh nhất trên thị trường. Đầu năm 2010, DAS cũng là một trong vài công ty chứng khoán thành công ngay đợt đầu kết nối giao dịch trực tuyến với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Đón đầu các cơ hội phát triển khi thị trường bắt đầu phục hồi vào cuối năm 2009, DAS tiếp tục việc mở thêm một loạt các điểm giao dịch chứng khoán tại TP. HCM, Huế, Đà Nẵng. Một trong những mục tiêu phát triển dài hạn của DAS là mở rộng mạng lưới tại các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, mở rộng cơ hội kinh doanh và cung cấp các dịch vụ chứng khoán khép kín cho các nhà đầu tư. Song song với việc phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh, nhằm nâng cao chức năng quản trị, đảm bảo an toàn hệ thống, DAS tiếp tục hoàn thiện và bổ sung thêm các quy trình kiểm soát rủi ro, quy trình kiểm soát nội bộ, trong đó nhấn mạnh chức năng kiểm tra chéo và thường xuyên của các chuyên gia độc lập và có trình độ.

Thị trường quản lý tài sản trong năm 2009 thực sự là một năm rất khó khăn cho ngành quản lý quỹ, một số quỹ đầu tư nước ngoài đã thoái vốn. Trong bối cảnh như vậy, tài sản do DAC quản lý không những không giảm mà còn tăng cao so với năm 2008, số dư tài sản quản lý bình quân năm 2009 đạt 1.436 tỷ đồng, tăng 155% so với năm 2008.

Năm 2009, tuy thị trường chứng khoán đã phục hồi, nhưng vẫn còn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro và thách thức. Thị trường chứng khoán rất nhạy cảm và dễ bị tác động bởi yếu tố tâm lý của các nhà đầu tư, các chính sách của Nhà nước và sự tác động của thị trường thế giới. Trong bối cảnh trên, DAS và DAC vẫn hoạt động ổn định và phát triển, sau khi tăng trích dự phòng đầu tư để đảm bảo an toàn trong tương lai, lợi nhuận vẫn đạt hơn 25 tỷ đồng. Một kết quả của sự cố gắng và nỗ lực vượt bậc của toàn thể cán bộ nhân viên DAS và DAC.



Mạng lưới Chứng khoán Đông Á & Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á

Công ty Chứng khoán Đông Á

<i>Trụ sở chính</i>	56-68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
<i>Chi nhánh Chợ Lớn</i>	110C Ngô Quyền, Quận 5, TP. HCM
<i>Trung tâm Dịch vụ Chứng khoán Huế</i>	209 Bà Triệu, TP. Huế
<i>Trung tâm Dịch vụ Chứng khoán Đà Nẵng</i>	238 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á

<i>Trụ sở chính</i>	56-58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
---------------------	--

Việc đặt nền móng phát triển bền vững cho tương lai thông qua việc chuẩn bị đầy đủ về nhân lực, cơ sở vật chất, đồng thời với triển vọng sáng sủa của nền kinh tế Việt Nam cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới, DAS và DAC hoàn toàn tự tin bước vào năm 2010 với những thành công và phát triển lớn hơn nữa.

Các công ty thành viên (tiếp theo)



Công ty Kiều hối Đông Á (DongA Money Transfer)



Năm 2009, tuy thị trường kiều hối Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn nhưng Công ty Kiều hối Đông Á vẫn tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu với những kết quả kinh doanh khả quan, uy tín thương hiệu được đối tác và khách hàng đánh giá cao và tin tưởng.

1. Tăng trưởng các chỉ số hoạt động

- Tiếp tục tăng trưởng về thị phần với doanh số chi trả đạt 991 triệu USD, chiếm 16% thị phần kiều hối của cả nước.
- ROE của công ty Kiều hối Đông Á năm 2009 tăng 15% so với năm 2008 và cao hơn so với các công ty trong lĩnh vực dịch vụ, chỉ số này đã minh chứng Công ty Kiều hối Đông Á có khả năng cạnh tranh mạnh và lợi thế cạnh tranh đã có sự chuyển biến tích cực.

2. Gia tăng số lượng đối tác mới

Hơn 10 đối tác mới có mặt tại các thị trường kiều hối phát triển mạnh như Mỹ, Canada, Úc và các thị trường kiều hối tiềm năng như Malaysia, Trung Đông, Đài Loan. Đặc biệt trong năm 2009, Công ty Kiều hối Đông Á đã khai thác thành công thị trường Úc, góp phần gia tăng đáng kể doanh số chi trả.

3. Rút ngắn thời gian chi trả

Khách hàng trong khu vực nội thành đã được nhận tiền trong vòng 3 giờ thay vì 6 giờ như trước đây. Riêng các tỉnh thành khác thời gian chi trả được giảm từ 12 giờ còn 6 giờ.

4. Phát triển hoàn thiện dịch vụ chi tại nhà

Dịch vụ chi tại nhà được phát triển hoàn chỉnh, giữ vai trò chủ lực và là lợi thế khác biệt của Công ty Kiều hối Đông Á.

5. 174 điểm giao dịch tại quầy

Mạng lưới chi quầy tăng 16% so với năm 2008 đã giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại.

6. Triển khai thành công dịch vụ mới

Công ty đã chủ động phối hợp với Ngân hàng Đông Á triển khai dịch vụ chuyển tiền từ Việt Nam sang các nước Mỹ, Canada, Úc... Dịch vụ mới ra đời đã đáp ứng được nhu cầu chuyển tiền ra nước ngoài phục vụ cho các hoạt động như du học, khám bệnh... của khách hàng trong nước đang tăng mạnh.

7. Tăng tiện ích cho khách hàng

Chương trình “Quà Việt Nam - ấm áp nguồn cội” tạo điều kiện cho người nhận tiền tại Việt Nam gửi tặng báo chí cho người thân ở nước ngoài với mức phí ưu đãi, tiết kiệm hơn so với dịch vụ bưu điện. Đây cũng là một kênh giúp cho người Việt Nam đang sống ở nước ngoài tiếp cận với các hoạt động văn hóa trong nước, với bất nỗi nhớ quê nhà.

8. Linh hoạt nắm bắt cơ hội mới

Công ty Kiều hối Đông Á đã chủ động mở rộng hoạt động góp vốn đầu tư, thực hiện nhiều phương án kinh doanh hiệu quả, tạo ra những nguồn thu bổ sung, phát huy tối đa các nguồn lực bên trong, huy động nguồn lực bên ngoài, hướng tới định hướng đa dạng hóa kinh doanh, giảm thiểu rủi ro, tạo đà phát triển bền vững cho công ty.

Thị trường kiều hối 2010 được dự đoán hồi phục trở lại với những phương thức chi trả hiện đại, chính vì vậy Công ty Kiều hối Đông Á đang có sự đầu tư và chuẩn bị cơ sở kỹ thuật - khoa học công nghệ để nhanh chóng đón đầu, tiếp cận và triển khai phương thức chi trả kiều hối mới, quyết tâm khẳng định thương hiệu Kiều hối Đông Á tại thị trường nước ngoài, giữ vững danh hiệu dẫn đầu thị trường kiều hối nội địa.

Mạng lưới Chi nhánh của Kiều hối Đông Á

Công ty Kiều hối Đông Á	122 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
Chi nhánh Kiều hối Quận 5	13-15 Triệu Quang Phục, Phường 10, Quận 5, TP. HCM
Chi nhánh Kiều hối Quảng Bình	33 Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Mỹ, TP. Đồng Hới, Quảng Bình
Chi nhánh Kiều hối Nghệ An	83B Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An
Chi nhánh Kiều hối Thanh Hoá	156 Quang Trung, Phường Ngọc Trạo, TP. Thanh Hoá, Thanh Hóa
Chi nhánh Kiều hối Quảng Trị	54 Lê Duẩn, Phường 1, TP. Đông Hà, Quảng Trị



VI NA BRILLIANT CARD

Công ty Cổ phần Thẻ Thông Minh Vi Na (V.N.B.C.)



Ra đời từ tháng 10/2008, Công ty Cổ phần V.N.B.C. đã nhanh chóng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ và giải pháp toàn diện cho ngành tài chính ngân hàng và các ngành khác có liên quan.

Luôn hướng tới việc trở thành công ty công nghệ hàng đầu tại Việt Nam, mỗi một sản phẩm V.N.B.C. triển khai cho khách hàng đều là kết tinh của quá trình lao động hết sức nghiêm túc, khoa học và tâm huyết bởi đội ngũ nhân viên chuyên môn cao, tinh thần phục vụ nhiệt tình với kỹ năng tốt, trẻ trung, nhiều hoài bão, kinh nghiệm dồi dào và khả năng hợp tác quốc tế.

Dịch vụ cung cấp

Ngoài hệ thống chuyển mạch VNBC, V.N.B.C. còn cung cấp các thiết bị - dịch vụ cho ngành ngân hàng như: ATM/ Máy Deposit/POS/Thiết bị kiểm đếm, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng - chăm sóc máy ATM, dịch vụ cho thuê máy ATM, đầu tư sản xuất, mua bán máy móc thiết bị của ngành ngân hàng và các dịch vụ khác. Đặc biệt, V.N.B.C. còn giúp hỗ trợ tư vấn, lựa chọn giải pháp tối ưu về mặt kỹ thuật cho sự phát triển hoạt động kinh doanh thẻ.

Những thành quả của V.N.B.C.

- Mở rộng số lượng thành viên trong hệ thống VNBC và là hệ thống duy nhất có các thành viên là ngân hàng nước ngoài.
- Nâng cấp hệ thống bằng giải pháp Euronet để cung cấp những tính năng ưu việt đến cho khách hàng.
- Triển khai thành công chức năng chuyển khoản giữa các ngân hàng - tiện ích vượt trội và đặc trưng mà chưa có hệ thống nào tại Việt Nam triển khai.

- Trong vòng 6 tháng đầu năm 2009, đội ngũ kỹ thuật V.N.B.C. đã phối hợp với tập đoàn Mercuries Data System (MDS) thử nghiệm và triển khai thành công dòng máy MDS3000. Đây là dòng máy với đầy đủ các tính năng ưu việt của một máy ATM nhưng chi phí đầu tư rất thấp. Ngày 01/09/2009, MDS chính thức cấp cho V.N.B.C. quyền phân phối và cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì độc quyền cho máy ATM của MDS tại thị trường Đồng Dương. Đây là sự kiện đánh dấu bước phát triển mới của V.N.B.C. trong lĩnh vực thiết bị cho ngành ngân hàng.
- Ngày 03/12/2009, chính thức kết nối hai hệ thống chuyển mạch VNBC và Smartlink. Giai đoạn đầu, chủ thẻ của 3 ngân hàng Vietcombank, Techcombank và DongA Bank có thể thực hiện các giao dịch rút tiền mặt, truy vấn số dư, sao kê tài khoản và chuyển khoản nội bộ ngân hàng tại hơn 3.000 điểm ATM thuộc hệ thống của 3 ngân hàng, chiếm khoảng 35% số lượng máy ATM của toàn thị trường. Theo lộ trình kết nối giữa hai bên, trong 6 tháng đầu năm 2010, Smartlink và V.N.B.C. sẽ hoàn thành việc mở rộng kết nối ATM cho 10 ngân hàng và sau đó là các ngân hàng thành viên còn lại thuộc hai hệ thống. Song song với liên thông hệ thống ATM, hai bên cùng hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán trên các kênh giao dịch điện tử như POS, Internet và mobile cho các ngân hàng để tạo sự thuận tiện cho người sử dụng thẻ cũng như các công ty cung ứng hàng hóa dịch vụ tại thị trường nội địa.



ĐỒNG HÀNH CÙNG CỘNG ĐỒNG

ENGAGEMENT WITH COMMUNITY

Ngân hàng Đông Á luôn chú trọng tính nhân văn trong các hoạt động cộng đồng, hướng đến gìn giữ những giá trị truyền thống thông qua các chương trình hỗ trợ trong lĩnh vực giáo dục, cho vay vi mô... Đó chính là niềm vinh hạnh của chúng tôi được đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng.



Công tác từ thiện xã hội



Hoạt động xã hội

1. Hoạt động đến ơn đáp nghĩa

Nhân rộng truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, Ngân hàng thường xuyên thăm hỏi, chăm lo các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh liệt sĩ cùng cán bộ, nhân viên có công với Tổ quốc với kinh phí hơn 60 triệu đồng; đồng hành kỷ niệm 62 năm ngày Thương binh Liệt sĩ với kinh phí 100 triệu đồng; giao lưu, thăm hỏi và ủng hộ 600 triệu đồng cho Trường Sa thân yêu.

2. Hoạt động chăm lo cho các đối tượng xã hội

- Ngân hàng đồng hành chương trình "Cùng công nhân vượt khó" với số tiền hơn 500 triệu đồng. Tham gia các hội chợ Thân thiện, Phiên chợ công nhân, tặng quà cho bà con vùng bão lũ miền Trung, Tây Nguyên hơn 700 triệu đồng.
- Chăm lo tổ chức cho thiếu nhi vui chơi nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi, ngày hội Văn hóa, Trung Thu... trao học bổng cho thiếu nhi nghèo hơn 100 triệu đồng; đồng hành chương trình "Một triệu cây viết, một triệu cuốn tập", tặng 2.000 quyển vở và quà tặng cho trẻ em nghèo tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), Cần Giuộc (TP. HCM).
- Thực hiện suất ăn từ thiện (6.000đ/suất) cho người già neo đơn tại Quận Phú Nhuận suốt 10 năm qua; tặng quà, thăm hỏi người già nhân Tết Trung thu với kinh phí khoảng 20 triệu đồng.
- Đồng hành chăm lo đối tượng học sinh, sinh viên qua học bổng Bảo trợ tài năng trẻ, Khuyến học với chi phí khoảng 500 triệu đồng, trao 250 suất học bổng cho học sinh sinh viên toàn quốc cùng nhiều chương trình giao lưu, phối hợp, tài trợ tại các đơn vị DongA Bank trên toàn quốc.

3. Các vấn đề an sinh, hỗ trợ địa phương, vì cộng đồng

- Mỗi dịp khai trương đơn vị, DongA Bank lại đồng hành chia sẻ những khó khăn trong công tác an sinh xã hội tại nơi mình hoạt động, đã trao 14 căn nhà tình nghĩa, tình thương, xây 02 nhà truyền thống – điểm sinh hoạt, tặng 46 suất học bổng cho học sinh nghèo, và mở thẻ ATM miễn phí cho người dân địa phương.
- Tham gia trên 8 lượt đi bộ đồng hành như: Đi bộ Đồng hành "Vì người nghèo" Quận Phú Nhuận (ủng hộ 200 triệu đồng), "Tiếp sức đến trường" và hưởng ứng cuộc vận động "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam"...
- Trong năm 2009, Ngân hàng Đông Á đã chi 3.884.039.000 đồng và nhiều hiện vật khác cho các hoạt động từ thiện, công tác xã hội.

Công tác Đảng, Đoàn thể

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Đông Á rất chú trọng công tác xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt tại đơn vị. Dưới vai trò trách nhiệm của Văn phòng Đảng đoàn thể, 104 Đảng viên đang sinh hoạt tích cực tại 9 Chi bộ cùng Công đoàn và Đoàn thanh niên đã tham gia các phong trào có chiều sâu như: Chương trình "Nụ cười Đông Á", "Buồng ATM sạch đẹp"... Với hàng loạt thành tích năm 2009, Đảng Bộ Ngân hàng Đông Á xứng đáng được tặng thưởng các danh hiệu "Đảng Bộ trong sạch, vững mạnh", "Công Đoàn DongA Bank xuất sắc" và Cờ thi đua 2009, Đoàn khối công nhận "Đoàn cơ sở xuất sắc năm 2009", Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu cụm Thương mại Cổ phần năm 2009.

Thành tích và sự công nhận của xã hội

Những thành tích đáng tự hào

- Doanh nghiệp ứng dụng Công nghệ thông tin tiêu biểu
- Giải thưởng Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu dành cho Tổng Giám đốc Trần Phương Bình
- Kỷ lục Guinness Việt Nam cho Ngân hàng có hệ thống máy ATM lưu động đầu tiên tại Việt Nam do Trung tâm sách và Kỷ lục Việt Nam trao tặng
- Giải thưởng Thương hiệu mạnh 2009
- Cúp Vàng Thương hiệu Việt lần 6. Giải thưởng do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức và Tạp chí Thương hiệu Việt thực hiện
- Giải thưởng Thương hiệu Vàng; Logo và slogan ấn tượng năm 2009. Giải thưởng do Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam phối hợp cùng Bộ công thương tổ chức nhân kỷ niệm 3 năm ngày chống hàng giả, hàng nhái
- Thương hiệu chứng khoán chưa niêm yết năm 2009, trong khuôn khổ giải thưởng Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2009. Giải thưởng do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các đơn vị liên quan phối hợp tổ chức
- Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (7/2009).





NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

HIGHLIGHTS OF ACHIEVEMENTS

Ngân hàng Đông Á không ngừng cải tiến và đổi mới để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Thông qua chiến lược củng cố năng lực cho đội ngũ nhân viên và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ, Ngân hàng Đông Á thiết lập nền tảng vững chắc để tiến vào tương lai với những sản phẩm và dịch vụ tiên tiến, đặc trưng để qua đó xây dựng lợi thế cạnh tranh nổi bật trên thương trường.



Các sự kiện đáng chú ý



Hệ thống Ngân hàng Đông Á hiện tại đã có 173 chi nhánh, phòng giao dịch, trung tâm giao dịch 24h tại các tỉnh, thành trên toàn quốc.

1. Hoàn thành kế hoạch năm 2009

Lợi nhuận trước thuế của toàn Ngân hàng Đông Á năm 2009 đạt 788 tỷ đồng, vượt kế hoạch 38 tỷ đồng. Các chỉ tiêu hoạt động còn lại đều đạt kế hoạch, đặc biệt trong năm DongA Bank đã phát hành thêm 1,5 triệu thẻ, hoàn thành kế hoạch đề ra và tăng 96% so với năm 2008. Đây là nét nổi bật trong bối cảnh chung của nền kinh tế và ngành ngân hàng còn nhiều khó khăn sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu của năm 2008.

2. Xây dựng hình ảnh một thương hiệu “nhân văn” trong lòng công chúng

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, DongA Bank luôn tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội mang tính nhân văn sâu sắc. Đó là các hoạt động đền ơn đáp nghĩa đối với các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh liệt sĩ; ủng hộ chương trình “Vi biển đảo thân yêu”; trao tặng nhà tình nghĩa, tình thương; chăm lo cho người già neo đơn và công nhân nghèo đang làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; ủng hộ đồng bào gặp thiên tai; hiến máu nhân đạo; thực hiện các chương trình “Tiếp sức người thầy”, “Nét bút tri ân”, “Tôn vinh thủ khoa tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng”; tài trợ độc quyền cho Câu lạc bộ Du học sinh TP. HCM (OVS); đồng hành với chương trình “Một triệu cây viết, một triệu cuốn tập” cùng báo Thanh niên; tham gia đi bộ đồng hành “Vi người nghèo”, “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”...

3. DongA VIP Banking

Bên cạnh chiến lược bình dân hóa dịch vụ ngân hàng, DongA Bank còn xây dựng một dịch vụ cao cấp, khác biệt, đáp ứng nhu cầu của các khách hàng VIP. Với thiết kế và không gian sang trọng cùng với những dịch vụ chăm sóc khách hàng đặc biệt, DongA VIP Banking đã mang đến cho khách

hàng một cảm nhận mới về dịch vụ tài chính ngân hàng. Cuối năm 2009, DongA VIP Banking đã chính thức ra mắt tại Hà Nội và TP. HCM.

4. Chào 2010 bằng chương trình “Đông Á Cảm ơn!”

Kết thúc năm 2009, số lượng khách hàng của DongA Bank đã lên tới 4 triệu – đây chính là tài sản lớn nhất của Ngân hàng Đông Á qua hơn 17 năm hoạt động. Để bày tỏ lòng tri ân đối với sự đồng hành và tin tưởng của khách hàng, chương trình “Đông Á Cảm ơn!” đã ra đời với thông điệp “Giao dịch nhiều – Tích lũy điểm – Thực hiện mọi ước mơ”. Mọi giao dịch với Ngân hàng Đông Á đều được điểm thưởng để đổi hàng ngàn phần quà có giá trị.

5. Chú trọng đào tạo cán bộ quản lý

Trong năm, DongA Bank đã tổ chức một lớp đào tạo cán bộ tương lai và hai lớp bồi dưỡng cán bộ đương nhiệm với tổng số 160 học viên nhằm mục tiêu tạo nguồn cán bộ quản lý trẻ có đầy đủ năng lực về chuyên môn và kỹ năng quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển của Ngân hàng.

6. Khánh thành hàng loạt tòa nhà trụ sở khang trang, hiện đại

Trong năm 2009, DongA Bank tiếp tục xây dựng các trụ sở mới khang trang theo cùng một mô hình hiện đại của tòa nhà Hội sở chính. Có thể bắt gặp hình ảnh trụ sở DongA Bank tại:

- Khu vực TP. HCM: Chi nhánh Tân Bình, Phòng giao dịch Bạch Đằng, Phòng giao dịch Âu Cơ, Phòng giao dịch Bưu điện Hóc Môn
- Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Bến Tre, Chi nhánh Trà Vinh
- Khu vực Đông Nam Bộ: Chi nhánh Bình Phước

- Khu vực miền Bắc: Chi nhánh Bắc Giang, Phòng giao dịch Hải Dương, Chi nhánh Thái Bình
- Khu vực miền Trung: Chi nhánh Huế, Chi nhánh Quảng Ngãi

Toàn hệ thống Ngân hàng Đông Á đã có 173 chi nhánh, phòng giao dịch, trung tâm giao dịch 24h tại các tỉnh thành trên toàn quốc.

7. Hệ thống liên minh thẻ VNBC và Smartlink chính thức kết nối

Hệ thống VNBC và hệ thống Smartlink đã chính thức kết nối và hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán trên các kênh giao dịch điện tử, bước đầu đã hoàn thành việc kết nối hệ thống ATM cho 3 ngân hàng đầu tiên là Vietcombank, Techcombank, DongA Bank. Khách hàng chủ thẻ của 3 ngân hàng trên đã có thể thực hiện các giao dịch rút tiền mặt, truy vấn số dư, sao kê tài khoản và chuyển khoản nội bộ ngân hàng tại hơn 3.000 điểm ATM thuộc hệ thống của 3 ngân hàng. Các bên cùng hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán trên các kênh giao dịch điện tử như POS, internet và mobile để tạo sự thuận tiện cho người sử dụng thẻ cũng như các công ty cung ứng hàng hóa dịch vụ tại thị trường nội địa.

8. Nhiều loại thẻ mới, nhiều tính năng mới

Ngoài sản phẩm thẻ Đa năng Đông Á chiếm lĩnh thị trường nội địa, trong thời gian qua, DongA Bank đã tích hợp các tính năng ưu việt của Thẻ Đa năng để phát triển thêm nhiều loại thẻ dành cho các đối tượng khác nhau như: Thẻ CK Card, Thẻ Hưu trí, Thẻ liên kết sinh viên, Thẻ Đa năng Dr Card dành cho đội ngũ y, bác sỹ; Thẻ mua sắm Shopping card dành cho người tiêu dùng mua sắm các sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao, Thẻ Nhà giáo dành cho đội ngũ giáo viên...

9. Nhiều sản phẩm, dịch vụ ấn tượng

- Ra đời vào tháng 2/2009, Vay 24 phút – thấu chi qua tài khoản thẻ của DongA Bank là sản phẩm vay dành cho tất cả mọi người, hoàn toàn tín chấp với thủ tục vay không quá 24 phút.
- Cán mốc 500.000 khách hàng sử dụng kênh giao dịch Ngân hàng Đông Á Điện tử, hơn 30 sản phẩm và doanh số giao dịch trung bình 2000 tỷ đồng/tháng, DongA Bank là ngân hàng có kênh giao dịch điện tử lớn nhất Việt Nam hiện nay, tiếp tục khẳng định hình ảnh Ngân hàng Đông Á năng động và hiện đại.
- Tháng 9/2009, DongA Bank phát hành cẩm nang dành cho khách hàng sử dụng thẻ Đa năng "Làm sao giảm bớt phiền toái trong cuộc sống". Bằng thiết kế dạng truyện tranh với những hình vẽ sinh động, quyển cẩm nang đặt ra những tình huống phiền toái xảy ra cho khách hàng trong cuộc sống thường nhật. Tương ứng với mỗi tình huống phiền toái là cách thức giải quyết vấn đề hết sức nhẹ nhàng, bất ngờ.
- Trong năm, DongA Bank đã triển khai một chiến dịch tiếp thị trực tiếp quy mô và ấn tượng mang tên "Phủ sóng 1 KM" nhằm giới thiệu sản phẩm thẻ Đa năng và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đến tận nhà người dân trong bán kính 1 km tính từ các trụ sở giao dịch của DongA Bank tại các địa phương trên toàn quốc.



10. Thương hiệu uy tín trong lòng công chúng

Trong năm, DongA Bank đã vinh dự được trao tặng những giải thưởng có giá trị của các tổ chức uy tín như: Thương hiệu Việt 2009; Thương hiệu Vàng 2009; Logo và Slogan ấn tượng 2009; Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin tiêu biểu; Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2009; Chứng nhận Ngân hàng có hệ thống máy ATM lưu động đầu tiên tại Việt Nam do Trung tâm sách và Kỷ lục Việt Nam trao...

Những giải thưởng uy tín là cơ sở và động lực cho chặng đường mới với nhiều cơ hội và thử thách trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất 2010 do chính khách hàng bình chọn.

Báo cáo tình hình hoạt động 2009



Lợi nhuận trước thuế của toàn Ngân hàng năm 2009 đạt 788 tỷ, vượt kế hoạch 38 tỷ đồng.

Bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2009

Năm 2009, sau rất nhiều nỗ lực của các quốc gia cùng với các giải pháp hữu hiệu, thế giới đã ngăn chặn được đà suy thoái về tài chính, nền kinh tế từng bước được phục hồi, thị trường chứng khoán cũng đã có nhiều dấu hiệu tích cực. Tuy nhiên trong năm qua giá vàng tăng rất cao và biến động phức tạp cũng đã ảnh hưởng nhiều đến cán cân thanh toán của các quốc gia.

Trước những biến động phức tạp đó, kinh tế Việt Nam cũng đã gặp không ít khó khăn. Chính phủ Việt Nam đưa ra nhiều giải pháp nhằm tập trung ngăn chặn suy thoái kinh tế như: điều hành chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt (cả về lãi suất, về tỷ giá), đưa ra gói kích cầu... Bằng nhiều giải pháp kịp thời và hiệu quả, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2009 không những không bị suy giảm mà vẫn tăng trưởng với mức GDP đạt trên 5%, chỉ số giá tiêu dùng

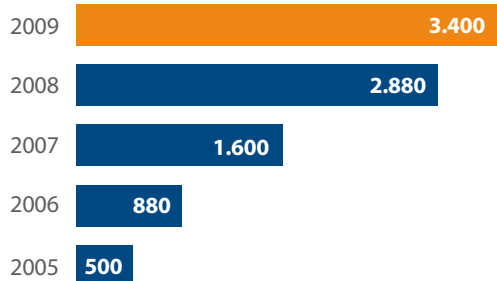
tăng ở mức trên 7%, hoạt động của ngành tài chính ngân hàng tuy có nhiều khó khăn (đặc biệt là vấn đề thanh khoản vào cuối năm) nhưng cũng vẫn phát triển ổn định và có mức tăng trưởng khá tốt.

Đối với Ngân hàng Đông Á, sau 17 năm hoạt động, vị thế của Ngân hàng đã được khẳng định. Với khả năng vượt trội về công nghệ, các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng Đông Á rất đa dạng, tiện ích và gần gũi với người dân. Trong năm qua, Ngân hàng Đông Á đã có những bước đi khá vững chắc với hàng loạt các sự kiện, trở thành một Ngân hàng thương mại cổ phần có uy tín mạnh mẽ đối với hàng triệu khách hàng Việt Nam và đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

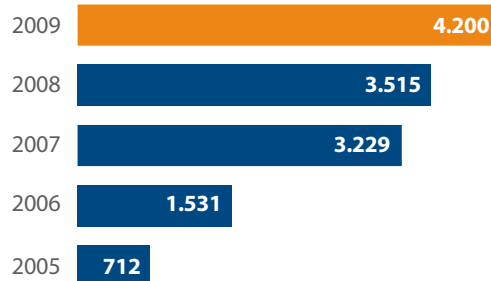
Kết quả hoạt động năm 2009

Trong hơn 17 năm hoạt động, DongA Bank luôn giữ vững sự tăng trưởng ổn định. Điều này được thể hiện bằng kết quả hoạt động kinh doanh của DongA Bank qua các năm như sau:

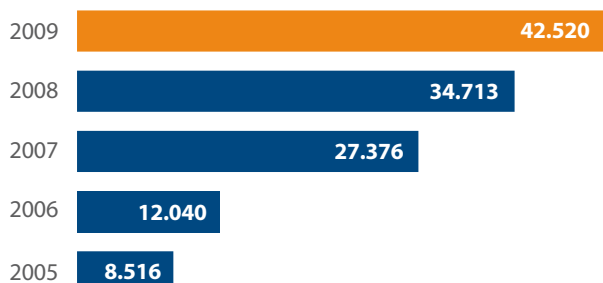
CHỈ TIÊU	ĐVT	2009	2008	2007	2006	2005
Tổng tài sản	tỷ đồng	42.520	34.713	27.376	12.040	8.516
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	4.200	3.515	3.229	1.531	712
Vốn điều lệ	tỷ đồng	3.400	2.880	1.600	880	500
Số dư huy động vốn bình quân	tỷ đồng	33.392	27.543	14.007	8.584	6.576
Dư nợ cho vay bình quân	tỷ đồng	29.464	23.463	11.513	6.635	5.330
Doanh số thanh toán quốc tế	triệu USD	2.533	2.383	2.039	1.365	1.095
Doanh số chi trả kiều hối	triệu USD	991	1.181	1.000	755	689
Số lượng thẻ phát hành trong năm	thẻ	1.483.993	755.887	724.351	626.890	322.063
Tổng doanh thu	tỷ đồng	3.954	4.444	2.287	1.451	693
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	788	703	454	211	139
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	588	539	332	160	101



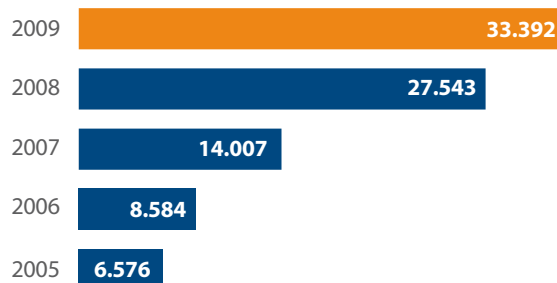
Vốn điều lệ



Vốn chủ sở hữu



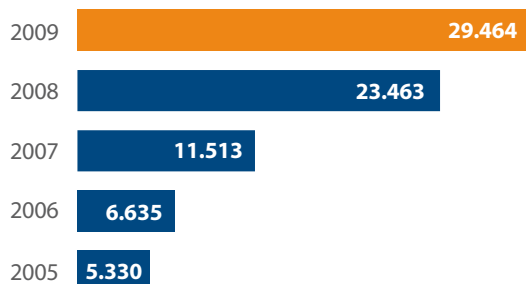
Tổng tài sản



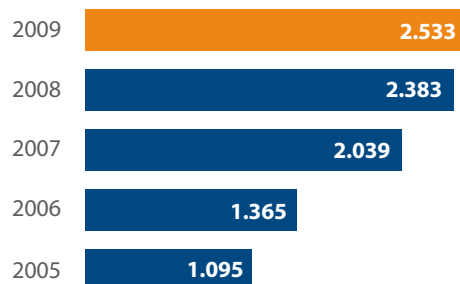
Số dư huy động vốn bình quân

Báo cáo tình hình hoạt động

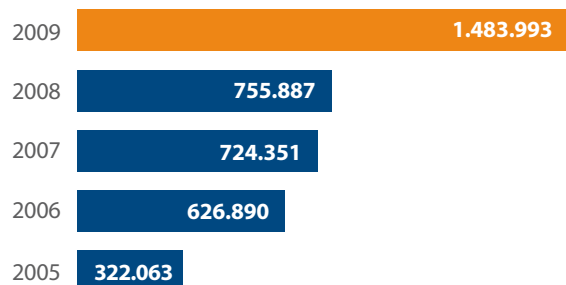
2009 (tiếp theo)



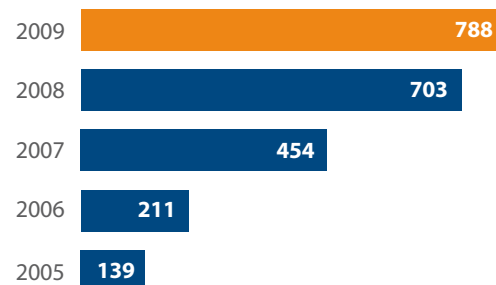
Dư nợ cho vay bình quân



Doanh số thanh toán quốc tế



Số lượng thẻ phát hành trong năm



Lợi nhuận trước thuế

Kết quả kinh doanh năm 2009

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2009	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH 2009
Tổng tài sản	tỷ đồng	42.520	40.000	106%
Vốn điều lệ	tỷ đồng	3.400	3.400	100%
Số dư huy động vốn bình quân	tỷ đồng	33.392	32.000	104%
Số dư nợ tín dụng bình quân	tỷ đồng	29.464	29.000	100%
Doanh số phát sinh thanh toán quốc tế	triệu USD	2.533	2.400	105%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	tỷ đồng	788	750	105%

Tổng tài sản

Đến cuối năm 2009, tổng tài sản đạt 42.520 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2008 và đạt 106% kế hoạch, trong đó nguồn vốn huy động đạt 36.714 tỷ đồng, tăng 23% so với đầu năm 2009 và quản lý thanh khoản luôn được kiểm soát chặt chẽ. Đồng thời, Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 3.400 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu là 4.200 tỷ đồng.

Hoạt động tín dụng

Tổng dư nợ cho vay 31/12/2009 đạt 34.687 tỷ đồng, tăng 36% so với cuối năm 2008, dư nợ tín dụng bình quân 29.464 tỷ, đạt 100% kế hoạch. Tình hình nợ quá hạn được kiểm soát chặt chẽ và trong năm DongA Bank đã nghiêm túc thực hiện chuyển nợ quá hạn cũng như trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ nợ quá hạn chỉ chiếm 2% tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2009.

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ đáp ứng đủ cho nhu cầu của khách hàng trong thanh toán quốc tế và đáp ứng kịp thời cho chi trả kiều hối.

Tổng doanh số mua các loại ngoại tệ quy USD trong năm 2009 đạt 6,5 tỷ USD, tăng 80% so với năm 2008 và doanh số bán ngoại tệ đạt 6,6 tỷ USD, tăng hơn 82% so với năm 2008.

Hoạt động đầu tư

Đến ngày 31/12/2009, các khoản đầu tư của Ngân hàng Đông Á là 1.457 tỷ đồng, trong đó:

	Năm 2008 (triệu đồng)	Năm 2009 (triệu đồng)
Tổng các khoản đầu tư	1.200.493	1.457.041
1. Chứng khoán kinh doanh	243.934	386.730
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	278.946	428.504
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	(35.012)	(41.774)
2. Chứng khoán đầu tư	135.801	359.201
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>	143.549	350.868
<i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	13.383	8.333
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i>	(21.131)	-
3. Góp vốn, đầu tư dài hạn	820.758	711.110
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	820.758	740.493
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i>	-	(29.383)

Hoạt động thanh toán quốc tế

Doanh số thanh toán quốc tế đạt 2.533 triệu USD, tăng 6,3% so với năm 2008 và đạt 105% so với kế hoạch đề ra.

Tháng 03/2009, DongA Bank đã vinh dự nhận giải thưởng Straight-Through Processing (STP) do Standard Chartered Bank trao tặng nhằm ghi nhận những thành tích xuất sắc trong hoạt động thanh toán quốc tế của DongA Bank. Đây là năm thứ 3 liên tiếp DongA Bank được trao tặng giải thưởng uy tín này từ nhiều ngân hàng danh tiếng thế giới như: Deutschebank A.G, Standard Chartered Bank, The Bank of New York, American Express Bank (2007) và Wachovia Bank (2008).

Thẻ

DongA Bank tập trung phát triển thẻ với các chương trình “100% khách hàng tiết kiệm có thẻ” và “Phủ sóng 1 KM” đã góp phần nâng tổng số thẻ phát hành trong năm 2009 lên con số 1,5 triệu thẻ, tăng 96% so với năm 2008 và đã đạt kế hoạch đề ra. Tổng số thẻ đã phát hành của Ngân hàng Đông Á đến nay là 4 triệu thẻ.

Chuyển tiền nhanh

Năm 2009, hoạt động chuyển tiền nhanh của DongA Bank đạt doanh số 6.179 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2008.

Dịch vụ thu chi hộ

Tổng doanh số thực hiện thu chi hộ trong năm 2009 đạt 34.710 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2008 và số công ty thu chi hộ trong năm tăng thêm 1.718 công ty.

Các chỉ số tài chính cơ bản năm 2009

- Những thay đổi về vốn cổ đông: vốn điều lệ đến thời điểm 31/12/2009 là 3.400.000.000.000 đồng.
- Cổ tức năm 2009 đã chi trả là 12%.

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	Chỉ số	2009	2008	2007	2006	2005
1	Tổng tài sản	42.520	34.713	27.376	12.040	8.516
2	Vốn điều lệ	3.400	2.880	1.600	880	500
3	Vốn chủ sở hữu	4.200	3.515	3.229	1.531	712
4	Tỷ lệ an toàn vốn (%)	10,64%	11,30%	14,36%	13,57%	8,94%
5	Tổng doanh thu	3.954	4.444	2.287	1.451	693
6	Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng	345	267	64	14	12
7	Lợi nhuận trước thuế	788	703	454	211	139
8	Lợi nhuận sau thuế	588	539	332	160	101
9	Lợi nhuận thuần/Vốn cổ phần (ROEA)	18,06%	18,01%	20,89%	23,50%	16,20%
10	Lợi nhuận thuần/Tổng tài sản (ROAA)	1,49%	1,69%	2,05%	1,55%	1,35%

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2010

- Lợi nhuận trước thuế đạt 1.100 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2009.
- Tổng tài sản đạt khoảng 60.000 tỷ đồng, tăng 42% so với cuối năm 2009.
- Tổng nguồn vốn huy động đạt trên 50.000 tỷ đồng, tăng 39% so với cuối năm 2009.
- Tổng dư nợ cho vay đạt khoảng 43.000 tỷ đồng, tăng 25% so với cuối năm 2009.
- Tổng trị giá phát sinh thanh toán quốc tế đạt trên 2.600 triệu USD, tăng 3% so với năm 2009.
- Doanh số chi trả kiều hối đạt 1.000 triệu USD, tăng 1% so với năm 2009.
- Phát hành thêm 1.000.000 thẻ DongA Bank.
- Tăng vốn điều lệ lên tối thiểu là 6.000 tỷ đồng và niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.
- Mở rộng mạng lưới hoạt động bằng cách nâng cấp phòng giao dịch thành chi nhánh tại các tỉnh chưa có chi nhánh; thành lập thêm một số phòng giao dịch tại các tỉnh, thành.
- Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực chủ chốt và đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên.





**Báo cáo của Hội đồng Quản trị và
các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0009/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) ngày 27 tháng 3 năm 1992 và theo Quyết định số 135/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 4 năm 1995. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở Giao Dịch, một trăm bảy mươi bốn (174) chi nhánh, các phòng giao dịch và các điểm giao dịch.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Tóm tắt về kết quả kinh doanh và chi trả cổ tức của Ngân hàng như sau:

	DVT: triệu VND	
	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất trong năm	587.648	538.737
Cổ tức đã công bố và trả trong năm	366.400	582.200
Lợi nhuận để lại hợp nhất vào cuối năm	600.832	527.585

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2009 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Phạm Văn Bự	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 08 năm 2007
Bà Vũ Thị Vang	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 08 năm 2007
Ông Đặng Phước Dừa	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 08 năm 2007
Ông Trần Phương Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 08 năm 2007
Ông Trang Thành Sương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 08 năm 2007
Ông Nguyễn Đình Trường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 08 năm 2007
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 08 năm 2007
Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2009
Ông Nguyễn Quốc Danh	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2009

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Ngân hàng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng giả định hoạt động liên tục của Ngân hàng và các công ty con là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



Ông Phạm Văn Bự
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 01 năm 2010

Số tham chiếu: 60752831/13881588

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“Ngân hàng”) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đính kèm (sau đây gọi tắt là “các báo cáo tài chính hợp nhất”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 4 đến trang 40. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và các công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Xuân Đại

Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 01 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

ĐVT: triệu VNĐ

	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008 (trình bày lại)
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	2.615.111	2.036.886
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	4	1.230.380	770.624
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”)			
khác và cho vay các TCTD khác	5	939.034	2.764.121
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		607.097	2.764.12
Cho vay các TCTD khác		331.937	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
Chứng khoán kinh doanh		386.730	243.934
Chứng khoán kinh doanh	6	428.504	278.946
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(41.774)	(35.012)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
Cho vay khách hàng		34.010.811	25.303.892
Cho vay khách hàng	7	34.355.544	25.570.810
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(344.733)	(266.918)
Chứng khoán đầu tư	9	359.201	135.801
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	350.868	143.549
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.2	8.333	13.383
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	(21.131)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		711.110	820.758
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác	10	740.493	820.758
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(29.383)	-
Tài sản cố định	12	793.784	549.467
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	12.1	574.915	483.844
Nguyên giá tài sản cố định		868.155	676.169
Hao mòn tài sản cố định		(293.240)	(192.325)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	12.2	218.869	65.623
Nguyên giá tài sản cố định		237.089	75.723
Hao mòn tài sản cố định		(18.220)	(10.100)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	13	1.474.241	2.087.709
Các khoản phải thu	13.1	582.982	521.342
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	172.133	429.074
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	19	-	10.589
Tài sản có khác		719.126	1.126.704
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN		42.520.402	34.713.192

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ĐVT: triệu VNĐ

5

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		ĐVT: triệu VNĐ	
	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	34	2.824.180	2.612.291
Bảo lãnh vay vốn		-	-
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		1.986.827	1.872.861
Bảo lãnh khác		837.353	739.430
Các cam kết đưa ra		-	-
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
Tổng cộng		2.824.180	2.612.291

Người lập :



Bà Đặng Bội Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Võ Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Phương Bình
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2010

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

ĐVT: triệu VNĐ

	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	3.325.056	3.815.708
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(2.218.224)	(2.971.376)
Thu nhập lãi thuần		1.106.832	844.332
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	272.570	203.524
Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(52.858)	(52.132)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	219.712	151.392
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	262.492	333.365
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	4.916	12.672
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	64.690	16.377
Thu nhập từ hoạt động khác		4.013	113.282
Chi phí hoạt động khác		(226)	(570)
Lãi thuần từ hoạt động khác	29	3.787	112.712
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		1.152	8.221
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.663.581	1.479.071
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí tiền lương		(280.770)	(215.987)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(110.703)	(82.288)
Chi phí hoạt động khác	30	(337.504)	(267.435)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(728.977)	(565.710)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		934.604	913.361
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8	(146.848)	(210.192)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		787.756	703.169
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	(170.388)	(175.021)
(Chi phí)/ lợi ích thuế TNDN hoãn lại	19	(29.720)	10.589
Tổng chi phí thuế TNDN		(200.108)	(164.432)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		587.648	538.737
<i>Phân bổ cho:</i>			
-Lợi nhuận thuộc về cổ đông của Ngân hàng		587.648	538.737
-Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	21	1.914	1.871

Người lập :



Bà Đặng Bội Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Võ Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Phương Bình
 Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

ĐVT: triệu VND

	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM	20.1	527.585	320.879
Lợi nhuận thuần trong năm	20.1	587.648	538.737
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		1.115.233	859.616
- Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của Ngân hàng cho năm trước	20.1	(140.627)	(115.807)
- Tạm trích lập các quỹ của các công ty con cho năm nay	20.1	(6.472)	-
- Trả cổ tức cho năm trước	20.1	(367.200)	(215.000)
- Các khoản tăng khác	20.1	70	-
- Các khoản giảm khác		(172)	(1.224)
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM		600.832	527.585
Trừ:			
- Tạm ứng cổ tức cho năm nay	13.3	(366.400)	(367.200)
LỢI NHUẬN CÒN LẠI ĐỂ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC BỔ SUNG		234.432	160.385

Người lập :



Bà Đặng Bội Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Võ Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Phương Bình
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2010

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

ĐVT: triệu VND

	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008 (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.581.997	3.658.441
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(2.483.386)	(2.608.657)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		219.712	151.392
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		270.590	372.455
Thu nhập khác		170	2.721
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		3.611	21.225
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(624.428)	(474.716)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	19	(171.733)	(226.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		796.533	896.402
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(9.011.544)	(7.858.763)
(Tăng)/giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(153.072)	32.296
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(351.827)	245.639
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(8.784.734)	(7.713.376)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(69.033)	(7.064)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		347.122	(416.258)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		7.343.709	6.854.831
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-	-
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		1.156.218	(2.459.053)
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		4.963.122	8.681.126
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		711.274	1.915.304
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		87.081	3.230
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động		482.775	(1.248.980)
Chi từ các quỹ của TCTD		(56.761)	(36.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(871.302)	(107.530)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(353.248)	(307.262)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		6	259
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(181.571)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		80.265	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		1.152	8.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(271.825)	(480.353)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

		DVT: triệu VND	
	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008 (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ		520.000	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(366.400)	(582.200)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		153.600	(582.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(989.527)	(1.170.083)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	31	5.320.255	6.490.338
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	31	4.330.728	5.320.255

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ LIÊN QUAN ĐẾN VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG BAO GỒM:

		DVT: triệu VND	
	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần	20	-	1.228.000
Tăng vốn điều lệ từ quỹ bổ sung vốn điều lệ	20	-	52.000

Người lập :



Bà Đặng Bội Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Võ Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Phương Bình
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2010

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép số 0009/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) ngày 27 tháng 3 năm 1992 và theo Quyết định số 135/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 4 năm 1995. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng khi mới thành lập là 20 tỷ, đến cuối năm 2009 đã tăng lên 3.400 tỷ.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

Tên công ty con	Quyết định thành lập	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Quyết định số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003	Kinh doanh chứng khoán	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á	Quyết định số 20/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 24 tháng 9 năm 2007	Quản lý quỹ	100%
Công ty TNHH Kiều Hối Đông Á	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 4104000024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001	Kinh doanh dịch vụ nhận và chi trả kiều hối	100%

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1. Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”) và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh kèm theo cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra không nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3. Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý kể từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

2.4 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.5 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ và giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không hủy ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng từ nhóm 1 đến nhóm 4. Chi tiết về phân loại nợ và trích lập dự phòng được trình bày ở Thuyết minh số 8.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng xử lý rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.6 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và các

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

công ty con mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá và Ngân hàng và các công ty con không có mục đích kiểm soát đơn vị được đầu tư. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

2.7. Chứng khoán đầu tư

2.7.1. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng và các công ty con chắc chắn về khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn của chứng khoán. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Các chứng khoán này sẽ không được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn hoặc chuyển sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá tại thời điểm mua, phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

2.7.2. Các chứng khoán sẵn sàng để bán

Các chứng khoán được phân loại là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây:

- Chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác;
- Số lượng đầu tư vào một doanh nghiệp dưới 20% quyền biểu quyết;
- Được đầu tư với mục tiêu dài hạn và có thể bán khi có lợi;
- Ngân hàng và các công ty con không có mục đích kiểm soát doanh nghiệp được đầu tư;
- Ngân hàng và các công ty con không là cổ đông sáng lập và không là đối tác chiến lược;
- Được tự do mua bán trên thị trường (cả trên thị trường chính thức và phi chính thức - OTC); và
- Các loại chứng khoán được chỉ định vào nhóm sẵn sàng để bán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá mua. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được tiếp tục hạch toán theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán, nếu có. Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập khi giá trị thị trường thấp hơn giá gốc của các chứng khoán và khi đó số tiền dự phòng là chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá gốc.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được hạch toán theo mệnh giá tại thời điểm mua và được tiếp tục theo dõi theo mệnh giá trong các kỳ kế toán tiếp theo. Phần chiết khấu/phụ trội được xác định tại ngày mua là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước) và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính còn lại của chứng khoán.

2.8. Góp vốn, đầu tư dài hạn

Góp vốn, đầu tư dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác, ngoại trừ các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con, và đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm; và
- Ngân hàng và các công ty con đầu tư với mục đích hưởng lợi trong các trường hợp sau:
 - (i) Ngân hàng và các công ty con là cổ đông sáng lập;
 - (ii) Ngân hàng và các công ty con là đối tác chiến lược; hoặc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(iii) Ngân hàng và các công ty con có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Góp vốn, đầu tư dài hạn được thể hiện theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

2.9. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn được xác định và trích lập theo các quy định của Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 04 năm 2009 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

2.9.1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán

Đối với chứng khoán vốn đã niêm yết: Ngân hàng và các công ty con lấy theo giá đóng cửa vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất hoặc giá đóng cửa phiên gần nhất trong trường hợp không có giao dịch vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết (giao dịch trên thị trường phi tập trung - OTC):

- (i) Ngân hàng và các công ty con lấy mức giá bình quân của ba (3) công ty chứng khoán có uy tín trên thị trường (có mức vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng) trong số các công ty sau đây: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt.
- (ii) Trường hợp các chứng khoán, các khoản đầu tư không có giá trị hợp lý/giá trị thực tế của thị trường hoặc không thể xác định một cách đáng tin cậy thì Ngân hàng và các công ty con tự xây dựng mô hình định giá chứng khoán để tính toán và trích lập giảm giá chứng khoán, các khoản đầu tư này. Trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý của các chứng khoán theo phương pháp định giá nêu trên thì các chứng khoán vốn sẵn sàng để bán của các cổ phiếu chưa niêm yết được hạch toán theo giá gốc.

2.9.2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng và các công ty con đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính. Căn cứ để trích lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế (năm trước thời điểm trích lập dự phòng).

$$\text{Mức trích lập dự phòng} = \left[\begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

2.10. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

2.11. Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.12. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 7 năm
Phần mềm kế toán và các ứng dụng khác	3 - 5 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

2.13. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Phí và hoa hồng cũng được ghi nhận trên cơ sở dự thu, dự chi.

Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và các công ty con được xác lập.

2.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 40). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VNĐ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.16. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc bằng hoặc dưới ba tháng.

2.17. Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

2.18. Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.19. Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này cần được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.20. Lợi ích của nhân viên

2.20.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và các công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

2.20.2. Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008. Theo đó, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp,

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

2.21. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

2.22. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và các công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.23. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Ngân hàng và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông.

2.24. Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 2.7. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng trước khi trích lập các quỹ dự trữ theo luật định và quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	DVT: triệu VND	
	31/12/2009	31/12/2008
Tiền mặt bằng VND	847.070	511.418
Tiền mặt bằng ngoại tệ	760.897	647.761
Vàng tiền tệ	1.007.144	877.707
	2.615.111	2.036.886

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2009	31/12/2008
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	1.230.380	770.624

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Theo quy định của NHNN, mức lãi suất tiền gửi được hưởng tại NHNN như sau:

- Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ trong phạm vi mức dự trữ bắt buộc quy định được hưởng lãi suất 1,20%/năm. Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ trong phạm vi mức dự trữ bắt buộc quy định được hưởng lãi suất 0%/năm.
- Tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VNĐ được áp dụng mức lãi suất 0% năm. Tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ được áp dụng mức lãi suất 0,10%/năm

Mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

- Đối với tiền gửi thuộc đối tượng phải thực hiện dự trữ bắt buộc bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 3,00% và 1,00%.
- Đối với tiền gửi thuộc đối tượng phải thực hiện dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 7,00% và 3,00%.

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

5. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2009	31/12/2008
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	586.724	225.142
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	352.310	2.538.979
	939.034	2.764.121

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2009	31/12/2008
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	852
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	26.424	41.754
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	123.611	29.578
	150.035	71.332
Chứng khoán ủy thác đầu tư của các nhà đầu tư		
	278.469	206.762
	428.504	278.946

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh mà Ngân hàng và các công ty con nắm giữ và gánh chịu
 rủi ro như sau:

	DVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Chứng khoán Nợ		
Chưa niêm yết	-	852
Chứng khoán Vốn		
Đã niêm yết	112.180	34.386
Chưa niêm yết	37.855	36.946
	150.035	71.332
	150.035	72.184

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	DVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	33.343.978	25.194.607
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	111.148	128.454
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	149.734	205.659
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	-	1.000
Cho vay khác	750.684	41.090
	34.355.544	25.570.810

7.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	DVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Nợ đủ tiêu chuẩn	33.662.974	24.522.644
Nợ cần chú ý	235.357	397.186
Nợ dưới tiêu chuẩn	59.601	353.612
Nợ nghi ngờ	126.068	111.286
Nợ có khả năng mất vốn	271.544	186.082
	34.355.544	25.570.810

7.2 Phân tích dư nợ theo thời gian gốc của khoản cho vay

	DVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Nợ ngắn hạn	22.865.544	16.147.548
Nợ trung hạn	9.162.088	7.974.700
Nợ dài hạn	2.327.912	1.448.562
	34.355.544	25.570.810

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2009		31/12/2008	
	triệu VNĐ	%	triệu VNĐ	%
Cho vay các tổ chức kinh tế				
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	402.843	1,17 %	234.175	0,92 %
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	445.137	1,30 %	497.321	1,94 %
Công ty TNHH nhà nước	138.545	0,40 %	155.840	0,61 %
Công ty TNHH tư nhân	10.355.220	30,14 %	7.641.513	29,88 %
Công ty cổ phần nhà nước	795.597	2,32 %	613.430	2,40 %
Công ty cổ phần khác	10.962.750	31,91 %	7.794.837	30,48 %
Doanh nghiệp tư nhân	1.414.609	4,12 %	724.218	2,83 %
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	55.881	0,16 %	23.962	0,09 %
Kinh tế tập thể	113.478	0,33 %	107.214	0,43 %
	24.684.060	71,85 %	17.792.510	69,58 %
Cho vay cá nhân	9.671.484	28,15 %	7.778.300	30,42 %
	34.355.544	100 %	25.570.810	100 %

7.4. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	triệu VNĐ	%	triệu VNĐ	%
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	15.362.597	44,72 %	11.474.881	44,87 %
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	6.059.464	17,64 %	4.051.765	15,85 %
Xây dựng	5.241.429	15,26 %	4.104.922	16,05 %
Công nghiệp chế biến	2.544.147	7,41 %	1.484.978	5,81 %
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	1.741.255	5,07 %	1.415.737	5,54 %
Thủy sản	901.743	2,62 %	709.517	2,77 %
Khách sạn và nhà hàng	753.751	2,19 %	635.796	2,49 %
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	551.566	1,61 %	506.875	1,98 %
Nông nghiệp và lâm nghiệp	527.959	1,54 %	618.683	2,42 %
Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc	314.059	0,91 %	138.576	0,54 %
Giáo dục và đào tạo	100.641	0,29 %	100.134	0,39 %
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng, Đảng, đoàn thể, đảm bảo xã hội bắt buộc	79.590	0,23 %	56.228	0,22 %
Hoạt động tài chính	63.769	0,19 %	102.001	0,40 %
Công nghiệp khai thác mỏ	61.780	0,18 %	63.044	0,25 %
Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	18.159	0,05 %	38.722	0,15 %
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	17.467	0,05 %	24.244	0,09 %
Hoạt động văn hoá thể thao	8.240	0,02 %	3.498	0,01 %
Hoạt động khoa học và công nghệ	7.593	0,02 %	40.814	0,16 %
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể Quốc tế	335	0,00 %	395	0,01 %
	34.355.544	100 %	25.570.810	100 %

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2009 bao gồm các khoản sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng số dự phòng
Số dư dự phòng lập đầu năm	155.955	110.963	266.918
Số tiền đã trích lập trong năm	95.409	110.226	205.635
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(58.787)	-	(58.787)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(67.450)	(1.583)	(69.033)
Số dư dự phòng cuối năm	125.127	219.606	344.733

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng nội bộ của Ngân hàng. Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009..

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	Số dư	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng số dự phòng
Các khoản cho vay các TCTD				
Nợ đủ tiêu chuẩn	331.937	-	2.490	2.490
Các khoản cho vay khách hàng				
Nợ đủ tiêu chuẩn	33.662.974	-	252.472	252.472
Nợ cần chú ý	235.357	3.171	1.765	4.936
Nợ dưới tiêu chuẩn	59.601	5.174	447	5.621
Nợ nghi ngờ	126.068	19.563	946	20.509
Nợ có khả năng mất vốn	271.544	97.219	-	97.219
	34.355.544	125.127	255.630	380.757
Các cam kết ngoại bảng				
Nợ đủ tiêu chuẩn	3.226.858	-	24.201	24.201
TỔNG CỘNG		125.127	282.321	407.448

Tình hình số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

Dự phòng rủi ro tín dụng	Các khoản cho vay TCTD và khách hàng		Các cam kết ngoại bảng		Tổng số dự phòng
	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	
Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN	125.127	258.120	-	24.201	407.448
Số thực tế NH đã hạch toán	125.127	219.606	-	-	344.733
Chênh lệch	-	38.514	-	24.201	62.715

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng cụ thể theo yêu cầu của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Số dự phòng trích thiếu là của dự phòng chung. Tuy nhiên, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (tháng 5 năm 2005). Ngân hàng sẽ trích lập đầy đủ dự phòng chung trước ngày 31 tháng 5 năm 2010.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.333	-
Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	50.000	-
	51.333	-
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	115.088	14.272
Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	184.447	129.277
	299.535	143.549
	350.868	143.549
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Chứng khoán Chính phủ	8.333	13.383
TỔNG CỘNG	359.201	156.932

9.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	-	-
Chưa niêm yết	51.333	-
	51.333	-
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	-	10.924
Chưa niêm yết	299.535	132.625
	299.535	143.549
	350.868	143.549

9.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Trái phiếu Chính phủ	8.333	13.383

10. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Góp vốn, đầu tư dài hạn	740.493	820.758

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Số dư đầu năm		
Trong đó:		
Chứng khoán kinh doanh	35.012	8.594
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	21.131	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-
	56.143	8.594
Tăng/ (giảm) trong năm		
Trong đó:		
Chứng khoán kinh doanh	6.762	26.418
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(21.131)	21.131
Góp vốn, đầu tư dài hạn	29.383	-
	15.014	47.549
Số dư cuối năm		
Trong đó:		
Chứng khoán kinh doanh	41.774	35.012
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	21.131
Góp vốn, đầu tư dài hạn	29.383	-
	71.157	56.143

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

12.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2009 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc (trình bày lại)	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	182.300	369.590	47.970	48.211	28.098	676.169
Tăng trong năm	126.533	33.411	10.554	16.175	6.323	192.996
Thanh lý, nhượng bán	(427)	(309)	-	(176)	(98)	(1.010)
Số dư cuối năm	308.406	402.692	58.524	64.210	34.323	868.155
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	29.038	118.087	17.576	18.977	8.647	192.325
Tăng trong năm	8.545	69.562	7.715	10.964	5.797	102.583
Thanh lý, nhượng bán	(427)	(309)	-	(95)	(95)	(926)
Giảm khác	-	-	-	-	(742)	(742)
Số dư cuối năm	37.156	187.340	25.291	29.846	13.607	293.240
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Số dư đầu năm	153.262	251.503	30.394	29.234	19.451	483.844
Số dư đầu năm	271.250	215.352	33.233	34.364	20.716	574.915

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12.2. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2009 như sau:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán và ứng dụng khác	Tổng cộng
ĐVT: triệu VNĐ			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	31.924	43.799	75.723
Tăng trong năm	130.938	30.428	161.366
Số dư cuối năm	162.862	74.227	237.089
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	-	10.100	10.100
Tăng trong năm	-	8.120	8.120
Số dư cuối năm	-	18.220	18.220
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	31.924	33.699	65.623
Số dư cuối năm	162.862	56.007	218.869

13. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008 (trình bày lại)
ĐVT: triệu VNĐ			
Các khoản phải thu	13.1	582.982	521.342
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	172.133	429.074
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	19	-	10.589
Tài sản có khác		719.126	1.126.704
		1.474.241	2.087.709

13.1. Các khoản phải thu

	31/12/2009	31/12/2008
ĐVT: triệu VNĐ		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	128.082	97.529
Các khoản phải thu khác	454.900	423.813
	582.982	521.342

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.2. Các khoản lãi, phí phải thu

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Lãi từ cho vay khách hàng	166.452	421.045
Lãi từ tiền gửi tại các TCTD	73	5.775
Lãi từ chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán	5.608	2.254
	172.133	429.074

14. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Tiền, vàng gửi KKH của các TCTD khác	34.609	47.311
Tiền, vàng gửi CKH và vay từ các TCTD khác	4.733.130	3.564.210
	4.767.739	3.611.521

15. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

15.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	4.491.106	2.821.899
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	67.285	81.113
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	270.886	194.811
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	32.927	33.542
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	1.587.417	1.046.320
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	18.018.622	15.769.100
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	58.241	126.989
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.986.855	2.452.035
<i>Tiền gửi ký quỹ</i>		
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	226.612	132.840
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	176.065	297.993
<i>Tiền gửi vốn chuyên dùng</i>	57.524	53.795
	27.973.540	23.010.437

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	DVT: triệu VND	
	31/12/2009	31/12/2008
Tiền gửi của tổ chức kinh tế		
Doanh nghiệp quốc doanh	1.138.098	782.271
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	2.708.419	1.942.770
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	188.208	206.966
	4.034.725	2.932.007
Tiền gửi của cá nhân	23.936.600	20.076.577
Tiền gửi của các đối tượng khác	2.215	1.853
	27.973.540	23.010.437

16. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	DVT: triệu VND	
	31/12/2009	31/12/2008
Chứng chỉ tiền gửi vàng		
Dưới 12 tháng	2.762.535	2.277.197
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	615.364	693.180
Từ 5 năm trở lên	1.007	435
	3.378.906	2.970.812
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	303.180	-
	3.682.086	2.970.812

17. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY MÀ TCTD CHỊU RỦI RO

	DVT: triệu VND	
	31/12/2009	31/12/2008
Vốn vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	177.774	109.430
Vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	112.494	93.631
Vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Phát triển Châu Á	779	905
	291.047	203.966

Vốn nhận tài trợ từ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (“BIDV”) nhận được bằng USD và VNĐ là vốn ủy thác từ Ngân hàng Thế giới thông qua BIDV để tài trợ Dự án Tài chính Nông Thôn I và II. Chi tiết những khoản vay này như sau:

- Khoản vay ngắn hạn chịu mức lãi suất 9,12%/năm (năm 2008: 10,32%/năm).
- Khoản vay trung hạn chịu mức lãi suất 9,12%/năm (năm 2008: 10,32%/năm).
- Khoản vay dài hạn chịu mức lãi suất 9,12%/năm cho vốn nhận bằng VNĐ (năm 2008: 8,16%/năm) và 0,75%/năm cho vốn nhận bằng USD

Vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Phát triển Châu Á nhận được bằng VNĐ là vốn ủy thác để tài trợ dự án tài chính ADB1. Những khoản vay này có kỳ hạn là 3, 5 và 14 năm và có mức lãi suất là 7,80%/năm (năm 2008: 9,60%/năm).

Vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản nhận được bằng VNĐ là vốn ủy thác cho dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Những khoản tài trợ này là trung và dài hạn và có mức lãi suất là 5,50%/năm và 6,72%/năm (năm 2008: 7,32%/năm và 4,80%/năm).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
Các khoản lãi, phí dự trả	-	337.304	602.466
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	19	19.131	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	-	1.249.013	799.036
		1.605.448	1.401.502

ĐVT: triệu VNĐ

19. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)	3.006	38.525	(38.468)	3.063
Thuế GTGT dịch vụ	2.643	18.892	(18.757)	2.778
Thuế GTGT kinh doanh ngoại hối	363	19.633	(19.711)	285
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.002	170.279	(171.733)	23.548
Các loại thuế khác	3.374	5.076	(7.355)	1.095
	31.382	213.880	(217.556)	27.706

ĐVT: triệu VNĐ

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng và các công ty con chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) là 25% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á chịu thuế suất thuế TNDN là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế TNDN hợp nhất bao gồm chi phí thuế TNDN của Ngân hàng và các công ty con. Ngân hàng và các công ty con chịu trách nhiệm lập và nộp báo cáo quyết toán thuế TNDN riêng biệt cho các cơ quan thuế địa phương quản lý mình.

Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng và các công ty con trong năm như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Thuế TNDN hiện hành	170.388	193.597
Thuế TNDN trích thừa của năm trước	-	(18.576)
	170.388	175.021
Thuế TNDN hoãn lại	29.720	(10.589)
	200.108	164.432

ĐVT: triệu VNĐ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

DVT: triệu VNĐ

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận trước thuế	787.756	703.169
Trừ:		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(19.720)	(26.981)
Thu nhập từ trái phiếu Chính phủ	(884)	(39.713)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(76.522)	37.819
Cộng:		
Chi phí không hợp lý	726	-
Thu nhập chịu thuế TNDN ước tính chưa căn trừ lỗ năm trước	691.356	674.294
Lỗ năm trước chuyển sang của các công ty con	(9.573)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN ước tính năm hiện hành	681.783	674.294
Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng theo thuế suất 25% (Năm 2008: 28%)	166.139	190.414
Chi phí thuế TNDN của công ty con theo thuế suất 25% (Năm 2008: 28%)	4.309	3.183
Thuế TNDN của các công ty con được giảm theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ	(60)	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	170.388	193.597
Thuế TNDN trích thừa của năm trước	-	(18.576)
Chi phí thuế TNDN ước tính phát sinh phải trả trong năm	170.388	175.021
Thuế TNDN phải trả đầu năm	25.002	76.440
Bù trừ với thuế TNDN nộp thừa của năm trước	(109)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(171.733)	(226.459)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	23.548	25.002

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được Ngân hàng được trình bày như sau:

DVT: triệu VNĐ

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	31/12/2009	31/12/2008	Năm 2009	Năm 2008
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	10.589	(10.589)	10.589
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(19.131)	-	(19.131)	-
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	-	-	(29.720)	10.589

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN VÀ CÁC QUỸ

20.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

ĐVT: triệu VND

	Vốn điều lệ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khác	Vốn chủ sở hữu khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	2.880.000	7.102	85.284	1.005	8.078	5.246	133	521	527.585	3.514.954
Tăng vốn điều lệ bằng tiền	520.000	-	-	-	-	-	-	-	-	520.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	587.648	587.648
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của Ngân hàng cho năm trước	-	25.254	51.327	409	40.819	14.818	8.000	-	(140.627)	-
Tạm trích lập các quỹ của các công ty con cho năm nay	-	1.366	2.504	-	1.267	1.267	68	-	(6.472)	-
Chi trả cổ tức của năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(367.200)	(367.200)
Các khoản tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.952	32	70	2.054
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(41.976)	(5.385)	(9.400)	-	-	(56.761)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(172)	(172)
Số dư cuối kỳ	3.400.000	33.722	139.115	1.414	8.188	15.946	753	553	600.832	4.200.523

Trong năm 2009, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được tăng từ 2.880.000 triệu VND lên 3.400.000 triệu VND theo công văn chấp thuận số 1227/NHNN-HCM02 ngày 10 tháng 6 năm 2009 của NHNN.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2009 Cổ phiếu	Năm 2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	340.000.000	288.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	340.000.000	288.000.000
Cổ phiếu phổ thông	340.000.000	288.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	340.000.000	288.000.000
Cổ phiếu phổ thông	340.000.000	288.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ/cổ phiếu)	10.000	10.000

20.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP, các ngân hàng thương mại phải trích lập quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ

Các quỹ sau đây được tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ (lợi nhuận sau thuế còn lại).

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	25% vốn điều lệ
Quỹ đầu tư phát triển	Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị	Không quy định
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị	Không quy định
Quỹ khác	Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị	Không quy định

Ngân hàng chưa tiến hành trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2009 theo quy định. Việc trích lập sẽ được thực hiện trong năm 2010 thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên. Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20.3 Các quỹ dự trữ của các công ty con

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo điều lệ của Công ty.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo yêu cầu của công ty mẹ, Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

Việc trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty được thực hiện như sau:

Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10%
Quỹ dự phòng tài chính	10%
Quỹ đào tạo nội bộ	5%
Quỹ khen thưởng	5%
Quỹ phúc lợi	5%

Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Kiều hối Đông Á

Quỹ dự trữ của Công ty được lập theo điều lệ của Công ty.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng (triệu đồng)	587.648	538.737
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	307.090.411	288.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.914	1.871

Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng dùng để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu là lợi nhuận sau thuế chưa loại trừ số tiền sẽ được dùng để trích lập các quỹ dự trữ theo quy định và theo chính sách của Ngân hàng và các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 20.2 và 20.3.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CỔ TỨC

Trong năm, Ngân hàng đã tạm ứng cổ tức cho năm 2009 bằng tiền là 366.400 triệu đồng (2008: 367.200 triệu đồng)

23. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008 <i>trình bày lại</i>
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	3.204.378	3.605.308
Thu nhập lãi tiền gửi	109.087	129.916
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ:		
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	4.420	63.445
Thu khác từ hoạt động tín dụng	7.171	17.039
	3.325.056	3.815.708

24. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Trả lãi tiền gửi	2.118.663	2.858.258
Trả lãi tiền vay	20.368	40.814
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	79.013	71.717
Chi phí hoạt động tín dụng khác	180	587
	2.218.224	2.971.376

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	148.033	124.696
Dịch vụ tư vấn	31.625	3.508
Nghiệp vụ môi giới	27.617	11.087
Nghiệp vụ bảo lãnh	24.109	18.027
Nghiệp vụ ủy thác và đại lý	5.470	37.167
Dịch vụ ngân quỹ	267	1.651
Bảo quản tài sản	30	51
Thu khác	35.419	7.337
	272.570	203.524
Chi phí hoạt động dịch vụ	(52.858)	(52.132)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	219.712	151.392

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	147.687	293.750
Thu từ kinh doanh vàng	244.953	81.390
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	43.980	10.868
	436.620	386.008
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(42.915)	(22.254)
Chi về kinh doanh vàng	(78.654)	(22.258)
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(52.559)	(8.131)
	(174.128)	(52.643)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	262.492	333.365

27. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	78.965	126.403
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(67.287)	(87.313)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(6.762)	(26.418)
	4.916	12.672

28. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	72.942	37.508
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(8.252)	(21.131)
	64.690	16.377

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Thu từ thu hồi nợ đã xử lý rủi ro	3.611	21.225
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	402	3.550
Thu nhập từ chuyển nhượng đất	-	88.507
	4.013	113.282
Chi từ hoạt động kinh doanh khác	(226)	(570)
	3.787	112.712

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí thuê văn phòng	54.131	36.714
Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	35.023	28.109
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	28.828	18.366
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân	26.370	27.448
Chi phí điện nước	21.540	16.956
Chi phí thuế khác và phí	20.592	36.457
Chi phí vật liệu giấy tờ in	17.303	18.119
Chi phí thông tin liên lạc	16.463	14.787
Chi phí công cụ lao động và dụng cụ	14.122	12.397
Chi phí hội nghị lễ tân khánh tiết	7.446	7.068
Chi công tác phí	5.929	7.621
Chi phí bảo hiểm tài sản của Ngân hàng	1.805	1.032
Chi phí đào tạo	1.372	1.101
Các khoản chi phí khác	86.580	41.260
	337.504	267.435

31. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008 (trình bày lại)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.615.111	2.036.886
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.230.380	770.624
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	586.724	225.142
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn từ ba tháng trở xuống	26.558	2.366.299
Trừ: tiền gửi giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư	(128.045)	(78.696)
	4.330.728	5.320.255

32. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
I. TỔNG SỐ CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN (người)	4.203	3.593
II. THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương đã chi	245.876	189.930
2. Tiền ăn trưa	12.258	10.086
3. Tiền thưởng	43.892	43.951
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	302.026	243.967
5. Tiền lương bình quân tháng (đồng/nhân viên)	4.875.010	4.405.082
6. Thu nhập bình quân tháng (đồng/nhân viên)	5.988.302	5.658.388

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	ĐVT: triệu VND	
	31/12/2009	31/12/2008
Bất động sản	28.997.062	23.538.552
Hàng hóa lưu kho	8.012.057	6.827.052
Phương tiện vận chuyển	2.065.923	1.261.838
Máy móc thiết bị	1.159.997	689.143
Chứng từ có giá	856.940	1.350.032
Sổ tiết kiệm	849.463	835.349
Khác	2.262.006	1.055.081
	44.203.448	35.557.047

34. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	ĐVT: triệu VND	
	31/12/2009	31/12/2008
Bảo lãnh tài chính	950.947	848.395
Thư tín dụng	2.275.911	2.194.729
	3.226.858	3.043.124
Trừ: tiền gửi ký quỹ	(402.678)	(430.833)
Nợ tiềm ẩn	2.824.180	2.612.291

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

35.1 Rủi ro lãi suất

Phân loại tài sản và công nợ của Ngân hàng theo rủi ro lãi suất đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau: ĐVT: triệu VNĐ

	Quá hạn	Không chịu ảnh hưởng do thay đổi lãi suất	Chịu ảnh hưởng do định giá lại lãi suất trong khoảng thời gian						Tổng cộng
			Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	2.615.111	-	-	-	-	-	-	2.615.111
Tiền gửi tại NHNN	-	1.230.380	-	-	-	-	-	-	1.230.380
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	939.034	-	-	-	-	-	-	939.034
Chứng khoán kinh doanh	-	428.504	-	-	-	-	-	-	428.504
Cho vay khách hàng	692.570	33.662.974	-	-	-	-	-	-	34.355.544
Chứng khoán đầu tư	-	359.201	-	-	-	-	-	-	359.201
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	740.493	-	-	-	-	-	-	740.493
Tài sản cố định	-	793.784	-	-	-	-	-	-	793.784
Tài sản có khác	-	1.474.241	-	-	-	-	-	-	1.474.241
Tổng tài sản	692.570	42.243.722	-	-	-	-	-	-	42.936.292
Nợ phải trả									
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	4.767.758	-	-	-	-	-	-	4.767.758
Tiền gửi của khách hàng	-	27.973.540	-	-	-	-	-	-	27.973.540
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	291.047	-	-	-	-	-	-	291.047
Phát hành giấy tờ có giá	-	3.682.086	-	-	-	-	-	-	3.682.086
Các khoản nợ khác	-	1.605.448	-	-	-	-	-	-	1.605.448
Tổng nợ phải trả	-	38.319.879	-	-	-	-	-	-	38.319.879
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	692.570	3.923.843	-	-	-	-	-	-	4.616.413
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	3.226.858	-	-	-	-	-	-	3.226.858
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại	692.570	7.150.701	-	-	-	-	-	-	7.843.271

Ghi chú: Tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của ngân hàng. Đồng thời Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn 1 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Phân loại tài sản và công nợ của Ngân hàng theo rủi ro thanh khoản đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

DVT: triệu VNĐ

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	2.615.111	-	-	-	-	2.615.111
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.230.380	-	-	-	-	1.230.380
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	611.482	29.800	297.752	-	-	939.034
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	428.504	-	-	428.504
Cho vay khách hàng	457.213	235.357	3.178.174	4.827.488	15.816.313	7.793.153	2.047.846	34.355.544
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	8.333	350.868	-	359.201
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	740.493	740.493
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	143.421	209	4.527	287.570	358.057	793.784
Tài sản có khác	-	-	550.176	243.975	79.822	83.132	517.136	1.474.241
Tổng tài sản	457.213	235.357	8.328.744	5.101.472	16.635.251	8.514.723	3.663.532	42.936.292
Nợ phải trả								
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	3.318.400	1.177.110	222.248	50.000	-	4.767.758
Tiền gửi của khách hàng	-	-	11.387.936	8.061.303	7.488.267	1.035.708	326	27.973.540
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	6.244	47.025	215.164	22.614	291.047
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	673.025	996.235	1.945.486	67.340	-	3.682.086
Các khoản nợ khác	-	-	1.298.991	4.857	-	301.600	-	1.605.448
Tổng nợ phải trả	-	-	16.678.352	10.245.749	9.703.026	1.669.812	22.940	38.319.879
Mức chênh thanh khoản ròng	457.213	235.357	(8.349.608)	(5.144.277)	6.932.225	6.844.911	3.640.592	4.616.413

Ghi chú: Tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35.3 Rủi ro tiền tệ

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

DVT: triệu VNĐ

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	56.046	510.828	1.007.145	194.023	1.768.042
Tiền gửi tại NHNN	-	206.090	-	-	206.090
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	6.794	459.836	-	44.816	511.446
Cho vay khách hàng	5.612	3.882.145	2.556.178	4.142	6.448.077
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	750	-	-	750
Các tài sản có khác	336	123.807	7.335	24.933	156.411
Tổng tài sản	68.788	5.183.456	3.570.658	267.914	9.090.816
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu					
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	141	1.677.434	598.000	3	2.275.578
Tiền gửi của khách hàng	122.103	3.201.962	-	203.119	3.527.184
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	1.979	-	-	1.979
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.378.906	-	3.378.906
Các khoản nợ khác	3.346	151.665	19.150	12.743	186.904
Vốn và các quỹ	-	553	-	-	553
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	125.590	5.033.593	3.996.056	215.865	9.371.104
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(56.802)	149.863	(425.398)	52.049	(280.288)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	(459.226)	-	-	(459.226)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(56.802)	(309.363)	(425.398)	52.049	(739.514)

Ghi chú: Tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VNĐ và đô la Mỹ có dao động trong biên độ hẹp. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á VÀ CÁC CÔNG TY CON
 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	DVT: triệu VNĐ	
	31/12/2009	31/12/2008
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	2.457	77.118
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	164.770	154.773
<i>đến hạn trong 1 năm</i>	46.101	12.976
<i>đến hạn từ 2 đến 5 năm</i>	84.901	109.564
<i>đến hạn sau 5 năm</i>	33.768	32.233

37. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài khoản mục và số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện hành.

39. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	31/12/2009	31/12/2008
	đồng	đồng
USD	18.479	17.430
EUR	26.500	24.400
GBP	29.410	25.120
CHF	17.800	16.450
J P Y	201	190
SGD	13.160	12.040
CAD	17.690	14.240
AUD	16.500	11.930

Người lập :



Bà Đặng Bội Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Võ Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Phương Bình
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 01 năm 2010

